**TUẦN 2**

***Thời gian thực hiện: Thứ hai, ngày 16/9/2024***

**Buổi sáng**

**Tiết 2: Tiếng Việt**

**ĐỌC: BÀI 3. TUỔI NGỰA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức***

- Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ bài thơ “Tuổi Ngựa”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp với lời nói của từng nhân vật. Nhấn giọng vào từ ngữ cần thiết đẻ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của bạn nhỏ thông qua hình ảnh chú Ngựa con.

Đọc hiểu: Nhận biết được nội dung cuộc trò chuyện của hai mẹ con, cảm nhận được suy nghĩ, cảm xúc của bạn nhỏ về hành trình rong ruổi của chú Ngựa con và hình dung được những cảnh vật tươi đẹp của nhiều miền đất theo tưởng tượng của bạn nhỏ. HIểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Tuổi thơ có nhiều ước mơ, muốn đi đến nhiều nơi, muốn khám phá nhiều điều thú vị của cuộc sống…..

- Biết thể hiện tình cảm yêu thương với người thân và chia sẻ suy nghĩ, ước mơ của mình với mọi người.

***2. Năng lực***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất***

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu cảnh đẹp đất nước thông qua những hoạt động cảnh vật ở nhiều miền trên đất nước.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh**

- SGK, VBT và các thiết bị, học liệu phục vụ cho học tập.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. HĐ khởi động**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV cho HS lên bốc thăm đọc nối tiếp bài “Cánh đồng hoa” và nêu suy nghĩ gì về các bạn nhỏ trong câu chuyện. | | HS quan bốc thăm đọc đoạn và trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe. | |
| - GV cho nhóm hoạt động: Nói những điều mình biết về tên gọi của các năm (theo âm lịch)  - Giáo viên cùng trao đổi với HS trao đổi trước lớp  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - Giáo viên hướng dẫn HS quan sát tranh minh họa SGK tr18, dẫn dắt và giới thiệu bài đọc:    - GV dẫn dắt quan sát tranh giới thiệu khái quát về bài thơ đề vào bài mới: *Bài đọc “Tuổi ngựa” là bài thơ nói về trí tưởng tượng của me bé tuổi Ngựa. Em ước mình sẽ có thể được đến muôn nơi thế nhưng dù có đến đâu em cũng không bao giờ quên trở về với mẹ với quê hương.* | | - Nhóm thảo luận.  - HS đại diện một số nhóm lên chia sẻ  - HS quan sát tranh minh họa, lắng nghe và tiếp thu.  -Hs lắng nghe và ghi tên bài | |
| **2. HĐ khám phá.**  - Mục tiêu: Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ bài thơ “Tuổi Ngựa”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp với lời nói của từng nhân vật. Nhấn giọng vào từ ngữ cần thiết đẻ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của bạn nhỏ thông qua hình ảnh chú Ngựa con  - Cách tiến hành: | | | |
| **2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc.**  - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm ở những đoạn thơ nói lên hành trình thú vị của chú Ngựa theo trí tưởng tượng phog phú của bạn nhỏ.  - GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài thơ.  - Gọi 1 HS đọc toàn bài.  - GV chia đoạn:  + Đoạn 1: Từ đầu đến Tuổi con là tuổi đi…  + Đoạn 2: Tiếp theo đến “Ngọn gió của trăm miền”  + Đoạn 3: Tiếp theo Khắp đồng hoa cúc dại.  + Đoạn 4: Phần còn lại  - GV gọi 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: *triền núi đa, loá màu trắng….*  - GV hướng dẫn luyện đọc câu: ( Chiếu đoạn 1 hướng dẫn đọc)  - GV HD đọc đúng ngữ điệu: câu hỏi của con và câu trả lời của mẹ, đọc với giọng hào bhuwngs, xúc động ở đoạn thơ nói về chú nựa non rong ruổi khắp đây đó.  - GV mời 4 HS đọc nối tiếp đoạn.  - GV nhận xét tuyên dương. | | | - Hs lắng nghe GV đọc.  - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.  - 1 HS đọc toàn bài.  - HS quan sát và đánh dấu các đoạn.  - 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - HS đọc từ khó.  - 2-3 HS đọc câu.  - HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu.  - 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn. |
| **3. HĐ luyện tập.**  - Mục tiêu:  + Nhận biết được nộ dung cuộc trò chuyện của hai mẹ con, cảm nhận được suy nghĩ, cảm xúc của bạn nhỏ về hành trình rong ruổi của chú Ngựa con và hình dung được những cảnh vật tươi đẹp của nhiều miền đất theo tưởng tượng của bạn nhỏ.  + Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Tuổi thơ có nhiều ước mơ, muốn đi đến nhiều nơi, muốn khám phá nhiều điều thú vị của cuộc sống…..  - Cách tiến hành: | | | |
| **3.1. Giải nghĩa từ:**  - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ.  - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh mình hoạ (nếu có)  + Tuổi Ngựa: sinh năm Ngựa theo âm lịch | - HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ.  - HS nghe giải nghĩa từ | | |
| **3.2. Tìm hiểu bài:**  - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hoạt động cá nhân,…  - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  + Câu 1: Qua trò chuyện với mẹ, vì sao bạn nhỏ lại tưởng tượng mình là chú ngựa con rong ruổi đó đây?  + Câu 2:  Kể lại hành trình của chú ngựa con theo trí tưởng tượng của bạn nhỏ:  . Những miền đất đã qua.    . Những cảnh vật đã thấy.    . Những cảm nghĩ đã có.  + Câu 3: Qua đoạn thơ cuối, bạn nhỏ muốn nói với mẹ điều gì?  + Câu 4: Nêu nhận xét về bạn nhỏ trong bài thơ.  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài bài học.  - GV nhận xét và chốt:  ***Bạn nhỏ trong bài thơ là một cậu bé có đầy sự tự tin, ước mơ, khao khát được khám phá cuộc sống, thế giới xung quanh. Nhưng sau tất cả, sau mỗi chuyến đi cậu lại trở về với gia đình, trở về trong vòng tay đầy yêu thương, ấm áp của mẹ.***  **3.3. Học thuộc lòng:**  **-** GVHD HS học thuộc lòng  + HS đọc thuộc theo cặp  + Xung phong đọc thuộc lòng trước lớp | - HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi:  + Qua trò chuyện với mẹ, bạn nhỏ tưởng tượng mình là chú ngựa con rong ruổi đó đây vì mẹ nói với bạn nhỏ rằng tuổi của bạn nhỏ là tuổi Ngựa. Tuổi Ngựa là tuổi đi, không yên một chỗ.  -Kể lại hành trình của chú ngựa con theo trí tưởng tượng của bạn nhỏ:  + Những miền đất đã qua: miền trung du, triền núi đá, những cánh đồng hoa.  + Những cảnh vật đã thấy: ngọn gió, gió xanh, gió hồng, gió đen, núi đá, cánh đồng hoa, nắng, đồng hoa cúc.  + Những cảm nghĩ đã có: vui vẻ, thích thú, say mê.  - Qua đoạn thơ cuối, bạn nhỏ muốn nói với mẹ rằng dù chú ngựa con sẽ đi xa, đi khắp nơi, nhưng chú vẫn nhớ và luôn muốn trở về bên mẹ. Đây là sư biết ơn và tình yêu thương của bạn nhỏ với người mẹ, dù có phải rời xa nhưng tình cảm vẫn không thay đổi.  - Bạn nhỏ trong bài thơ thể hiện sự tự tin và say mê trong việc khám phá và trải nghiệm cuộc sống. Dù còn nhỏ nhưng bạn đã có tinh thần phiêu lưu và quyết tâm đi tìm hiểu thế giới xung quanh mình. Đồng thời, sự nhạy cảm và tình cảm gia đình sâu sắc cũng được thể hiện qua tình yêu thương và mong muốn trở về bên mẹ của bạn.  - 2-3 HS tự rút ra nội dung bài học  - 3-4 HS nhắc lại nội dung bài học.  -Nghe Gv hướng dẫn.  + HS cùng nhau đọc nhiều lần.  + HS xung phong đọc. | | |
| **4. HĐ vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu cảm xúc của mình sau khi học xong bài “Tuổi Ngựa”.  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà đọc thuộc lòng bài. | | - HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ....................................................................................................................................... | | | |

**Tiết 3: Tiếng Việt**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU: ĐẠI TỪ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức***

- Có thêm kiến thức mới về Đại từ. Bước đầu biết cách sử dụng Đại từ cho phù hợp ngữ cảnh.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong ngữ liệu của bài tập thông qua các từ loại tìm được.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

***2. Năng lực***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu danh từ, động từ, tính từ, ứng dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất***

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh**

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho học tập.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. HĐ khởi động**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | |
| - Giáo viên tổ chức trò chơi “Đoán xem tôi là ai”  + Câu 1: Mọi người thường dùng tôi để đặt tên cho các sự vật, hiện tượng tự nhiên, cây cỏ, hoa lá. Đố các bạn tôi là ai?  + Câu 2: Mọi người thường dùng tôi để miêu tả các đặc điểm của sự vật, hoạt động, trạng thái… Tôi là ai vậy?  + Câu 3: Khi các bạn gọi tên các hoạt động, trạng thái ấy là lúc các bạn đang nhắc đến tôi. Đố các bạn biết tôi là ai?  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia chơi  - Đáp án: Danh từ  - Đáp án: Tính từ  - Đáp án: Động từ  - HS lắng nghe. | |
| **2. HĐ luyện tập**  - Mục tiêu:  - Có thêm kiến thức mới về Đại từ.  - Bước đầu biết cách sử dụng Đại từ cho phù hợp ngữ cảnh.  - Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | |
| **Bài 1: Những từ in đậm trong mỗi câu sau được dùng để thay cho từ ngữ nào?**  a. Nắng vàng óng. Lúa cũng **vậy**.  b. Cây tre này cao và thẳng. Các cây kia cũng **thế**.  c. Cánh đồng vàng ruộm báo hiệu một vụ mùa bội thu. **Đó** là thành quả lao động vất vả, “một nắng hai sương" của các cô bác nông dân.  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung:  - GV mời cả lớp làm việc nhóm 2  - GV mời các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét kết luận và tuyên dương.  **Bài 2. Nhận diện đại từ nghi vấn.**  - GV yêu cầu HS đọc: Trong những đoạn trích dưới đây, từ nào được dùng để hỏi?  a. Cốc! Cốc Cốc!  – Ai gọi đó?  – Tôi là thỏ…  (Võ Quảng)  b. Bé nằm ngẫm nghĩ  - Nắng ngủ ở đâu?  – Nắng ngủ nhà nắng  Mai lại gặp nhau.  (Thụy Anh)  c. Mùa nào phượng vĩ  Nở đỏ rực trời  Ở khắp nơi nơi  Ve kêu ra rả?  (Câu đố)  - GV chia nhóm thảo luận.  - GV tổ chức trình bày trước lớp.  - GV ? Từ dùng để hỏi phải nằm trong loại câu nào?  ? Dấu hiệu hình thức giúp ta nhận ra câu hỏi là gì?  - GV nhận xét chung  ***Bài 3: Đọc câu chuyện dưới dây và trả lời câu hỏi.***    Hạt thóc được mẹ lúa yêu thương, chiều chuộng nên rất kiêu. Thóc nói với ngô, khoai, sắn:  - **Ta** là hạt vàng đấy, các **bạn** ạ. Chẳng ai bằng **ta** được.  Ngô liền nói:  - **Cậu** ơi, **tớ** nghĩ **cậu** chỉ là hạt vàng khi ở trên cánh đồng này thôi. Còn nếu ở trong bát cơm, chắc chắn cậu sẽ bị gắp bỏ ra ngoài.  Hạt thóc nghe xong, im lặng.  (Phan Tự Gia Bách)  a. Các từ in đậm trong câu chuyện trên được dùng để làm gì?  b. Trong số các từ đó, những từ nào chỉ người nói, những từ nào chỉ người nghe?  **-** Gọi 2 HS đọc câu chuyện Hạt thóc, nêu các các từ in đậm.  **-**  Giáo viên cho nhóm trao đổi, cử đại diện trả lời.  - Lớp nhận xét.  GV chó HS rút ra ghi nhớ: Về đại từ  **Bài 4**: Đóng vai hạt thóc trong câu chuyện Hạt thóc, viết câu đáp lại lời của ngô, trong câu có sử dụng một đại từ.  - GV chia nhóm hoạt động đóng vai, chia sẻ trước lớp  - Bình chọn câu đáp lời hay nhất, | | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.  - Cả lớp làm việc nhóm 2, xác định nội dung yêu cầu.  a. “Vậy” thay thế cho từ “vàng óng”.  b. “Thế” thay thế cho “cao và thẳng”.  c. “Đó” thay thế cho “cánh đồng vàng ruộm”.  - Các nhóm trình bày  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - 1 HS đọc. Cả lớp lắng nghe.  a. Từ được dùng để hỏi: đó  b. Từ được dùng để hỏi: đâu  c. Từ được dùng để hỏi: nào  - Các nhóm thảo luận.  - Đại diện các nhóm trả lời.  -+ Trong câu hỏi  + Dấu hỏi chấm.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 2 HS đọc và nêu các từ in đậm  -Nhóm thảo luận – chia sẻ trước lớp  a.Các từ in đậm trong câu chuyện trên được dùng để xưng hô.  b. - Từ chỉ người nói: Ta, tớ  - Từ chỉ người nghe: Bạn, cậu  -HS nắm được: Đại từ là từ dùng để thay thế như thế, vậy, đó, này,... (đại từ thay thế), để hỏi như ai, gì, nào, sao, bao nhiêu, đâu.... (đại từ nghi vấn) hoặc dễ xưng hô như tôi, tớ, chúng tôi, chúng tớ, mày, chúng mày, chúng ta,... (đại từ xưng hô). Ngoài ra, trong Tiếng Việt, có nhiều danh từ được dùng để xưng hô như ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em, cháu, thầy, bạn,...  - HS thảo luận cùng phân vài và tham gia đóng vai trước lớp  VD: Tớ xin lỗi vì đã kiêu ngạo như vậy! |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ong về tổ”.  + Câu 1: Đại từ được in đậm trong câu: “Mỗi sáng, Lan đều tập đàn chăm chỉ, việc này giúp bạn chơi đàn ngày càng hay.” thay thế cho phần nào dưới đây?  + Câu 2: Từ nào trong các từ dưới đây luôn là đại từ?  + Câu 3: Từ gạch chân trong trường hợp nào dưới đây là đại từ?  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Đáp án: A  + Đáp án: D  + Đáp án: B  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

***-----------------------------------------------------***

**Tiết 4: Toán**

**ÔN TẬP VỀ GIẢI TOÁN (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Củng cố và hoàn thiện các kĩ năng: giải quyết được vấn đề gắn với việc giải các bài toán có đến bốn bước tính liên quan đến các phép tính với các số tự nhiên; liên quan đến quan hệ phụ thuộc trực tiếp và đơn giản.

- Giải được các bài toán liên quan đến tìm số trung bình cộng của hai số; tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó; bài toán liên quan đến rút về đơn vị.

*-* Giải bài toán liên quan đến tìm số trung bình cộng.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu các kĩ năng làm toán để hoàn thành nhiệm vụ bài học mà thầy, cô giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được nội dung bài học để giải quyết một số tình huống thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất nhan ái: Luôn yêu mến bạn bè, biết giúp đỡ nhau trong học toán để cùng hoàn thành tốt nội dung bài học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

- Học sinh : Vở, bút, vở nháp và các đồ dùng học tập.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ khởi động**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. Kiểm tra kiến thức đã học ở bài trước.  + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.  - Cách tiến hành | | |
| - Giáo viên tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Rút gọn phân số:  = ………  + Câu 2: Chọn phân số tối giản:   1. B. C.   + Câu 3: Quy đồng mẫu số:  và  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | | - HS tham gia trò chơi  + Câu 1:  + Câu 2: B  + Câu 3:  = ; =  - HS lắng nghe. |
| **2. HĐ luyện tập**  **Mục tiêu:** Ôn luyện về cách giả bài toán liên quan đến tìm số trung bình cộng của hai hay nhiều số.  Cách tiến hành : | | |
| **\* Bài 4.**  - Gọi HS nêu YC  - Thảo luận theo cặp đây là dạng toán gì, bài toán cho những gì, cần tìm các thành phần nào, dựa vào mối quan hệ nào?  - YCHS làm bài vào vở.  - Mời đại diện 1 nhóm lên bảng trình bày cách làm  - GV mời một số nhóm nêu kết quả.  - Giáo viên và các nhóm còn lại nhận xét, chữa bài  - GV yêu cầu HS chốt lại cách tính trung bình cộng các số.  **\*Bài 5**.  - Gọi HS nêu YC  - Bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.  - YCHS làm bài vào vở  - GV mời HS trình bày cách làm.  - Nhận xét chữa bài. | | - HS nêu yêu cầu.  - HS làm việc nhóm đôi :  + Dạng toán tìm số trung bình cộng  + Số ngày nắng của tháng 2 = số ngày nắng của tháng 1 – 5  + Số ngày nắng của tháng 3 = số ngày nắng của tháng 2 x 2  ….  - HS giải và trình bày kết quả  - HS nhận xét, chữa bài.  - HS nêu lại cách tính trung bình cộng các số.  - HS đọc bài và nêu YC.  - Bài toán cho biết số tiền mua thực phẩm của mỗi bạn.  - Bài toán hỏi số tiền chia đều cho mỗi bạn là bao nhiêu và số tiền mỗi bạn cần đóng thêm hoặc được nhận lại ?  - HS giải bài toán vào vở.  - HS nhận xét, chữa bài. |
| **3. HĐ vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành | | |
| **Bài 5: Đố vui**  - GV cho HS đọc bài suy nghĩ và hướng dẫn giúp HS nhận ra: Số phải tìm là tử số của phân số có mẫu số là 8 mà phân số đó vừa lớn hơn vừa bé hơn ta có phân số  < < vậy số phải tìm là 4  **\*HS khá giỏi**  - GV yêu cầu HS làm cá nhân, giải thích cách làm.  - GV đánh giá kết quả, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn dò bài về nhà. | - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 5. Cả lớp lắng nghe.  - HS làm cá nhân, giải thích cách làm: Rèn kĩ năng vận dụng linh hoạt việc so sánh hai phân số cùng mẫu số, cùng tử số đề tìm một số.  KQ: < < số phải tìm là 4  - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có). | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

***Thời gian thực hiện: Thứ ba, ngày 17/9/2024***

**Buổi sáng**

**Tiết 1: Tiếng Việt**

**VIẾT: LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức***

- Lập được dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo.

- Biết thể hiện tình cảm yêu thương với người thân và chia sẻ suy nghĩ, ước mơ của mình với mọi người.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

***2. Năng lực***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng làm vài văn kể chuyện sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất***

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh**

- SGK, VBT và các thiết bị, học liệu phục vụ cho học tập.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | |
| **1. HĐ khởi động**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | | |
| - Giáo viên yêu cầu HS nhắc lại cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo đã học ở hai tiết trước:  + Các cách kể chuyện sáng tạo đã học ở bài trước:  •Thêm lời tả, lời kể, lời thoại,…  •Thay đổi cách kết thúc của câu chuyện  •Đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện  - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: *Buổi học trước chúng ta đã tìm hiểu được các cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo. Ở buổi học này, chúng ta sẽ đi thực hành lập dàn ý cho một đề bài cụ thể.* | - HS nhắc lại kiến thức đã học.  - HS chú ý lắng nghe. | | |
| **2. HĐ khám phá.**  - Mục tiêu:  - Lập được dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo.  - Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | | |
| **Bài 1: Chuẩn bị.**  - GV mời 1 HS đọc 2 đề văn. GV giải thích cách thực hiện nhiệm vụ.  - GV mời học sinh đọc lại yêu cầu chuẩn bị và gợi ý trong SGK  - HS lựa chọn một câu chuyện để kể lại.  - HS suy nghĩ, nhớ lại câu chuyện đã chọn và các yếu tố liên quan đến câu chuyện.  - HS lựa chọn cách kể sáng tạo.  - Mời cả lớp nhận xét nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết | | - 1 HS đọc đề bài; Cả lớp lắng nghe bạn đọc.  - HS đọc yêu cầu và gợi ý trước lớp  - HS làm việc theo nhóm, cùng nhau lựa chọn 1 câu chuyện  - Suy nghĩ, nhớ lại và lựa chọn cách kể sáng tạo, trình bày kết quả.  - Cả lớp nhận xét nhận xét.  - HS lắng nghe. | |
| **Bài 2: Lập dàn ý**  - GV hướng dẫn HS đọc kĩ gợi ý về dàn ý trong SGK theo từng phần của bài văn.  - HS dựa vào câu trả lời đã nêu ở phần chuẩn bị, lập dàn ý cho bài làm của mình  - HS viết dàn ý vào vở.  - GV nhận xét nhanh một số bài của HS – Tuyên dương và hỗ trợ HS còn gặp khó khăn trong lập dàn ý. | |  | |
| **3. HĐ luyện tập.**  - Mục tiêu:  + Lập dàn ý bài văn mình đã chọn  + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | | |
| **Bài 2: Lập dàn ý**  - GV hướng dẫn HS đọc kĩ gợi ý về dàn ý trong SGK theo từng phần của bài văn.  - HS dựa vào câu trả lời đã nêu ở phần chuẩn bị, lập dàn ý cho bài làm của mình  - HS viết dàn ý vào vở.  - GV nhận xét nhanh một số bài của HS – Tuyên dương và hỗ trợ HS còn gặp khó khăn trong lập dàn ý.  **Bài 3. Góp ý và chỉnh sửa**  - GV mời 1 HS đọc bài viết  - GV mời cả lớp nghe và góp ý, chỉnh sửa  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV cho HS đọc bài viết của 1 bạn sau khi sửa hoàn chỉnh. | | | - Nghe GV gợi ý  - 1 HS nhớ lại ở phần chuẩn bị, lập dàn ý bài văn  Mở bài: Giới thiệu tên câu chuyện, tên tác giả,... (Nếu đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện, em cần giới thiệu mình là nhân vật nào.)  Thân bài: Kể lại câu chuyện theo trình tự hợp lí, trong đó có chi tiết được kể sáng tạo theo 1 trong 3 cách:  – Sáng tạo thêm chi tiết (có thể lựa chọn sáng tạo một hoặc nhiều chi tiết).  – Thay đổi cách kết thúc theo tưởng tượng của em.  – Đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện (chú ý cách xưng hộ, cách thể hiện lời nói, suy nghĩ, cảm xúc phù hợp với nhân vật).  Kết bài: Nêu suy nghĩ, cảm xúc,... về câu chuyện hoặc nêu kết thúc của câu chuyện dưới góc nhìn của nhân vật (nếu đóng vai kể chuyện).  -Trình bày trước lớp để Gv và các bạn góp ý, bổ sung.  - 4-5 HS đọc yêu bài viết; Cả lớp lắng nghe.  - HS nhận xét, bổ sung. |
| **4. HĐ vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Chia sẻ với người thân dàn ý bài viết của em và trao đổi về cách sáng tạo cho câu chuyện.  - Cách tiến hành: | | | |
| - Giáo viên nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng:  Em tiến hành chia sẻ với người thân dàn ý bài viết của em và trao đổi về cách sáng tạo cho câu chuyện.  - GV đánh giá nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn: - Em tiến hành chia sẻ với người thân dàn ý bài viết của em và trao đổi về cách sáng tạo cho câu chuyện.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

------------------------------------------------------

**Tiết 2: Toán**

**Bài 4: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG VỀ PHÂN SỐ (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Củng cố và hoàn thiện các kĩ năng đọc, viết phân số; vận dụng tính chất cơ bản của phân số; so sánh, sắp xếp các phân số.

- Quy đồng được hai phân số trong trường hợp có hai mẫu số khác nhau.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu các kĩ năng làm toán để hoàn thành nhiệm vụ bài học mà thầy, cô giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được nội dung bài học để giải quyết một số tình huống thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất nhan ái: Luôn yêu mến bạn bè, biết giúp đỡ nhau trong học toán để cùng hoàn thành tốt nội dung bài học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh**

- Vở, VBT, bút, vở nháp và các đồ dùng học tập.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ khởi động**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.  - Cách tiến hành | |
| - Giáo viên tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Quy đồng mẫu số các phân số sau:  và  + Câu 2: Phân số nào trong các phân số dưới đây không bằng phân số  ?  A.  B.  C.  D.  + Câu 3: Rút gọn các phân số sau  = ……………..  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + = = ; và  + Trả lời: C  + Trả lời:  = =  - HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động luyện tập**  **Mục tiêu:** Ôn luyện về phân số, hiểu rõ kết quả của phép chia là cách viết khác của PS, hiểu được muốn tìm một PS mới bằng PS đã cho ta có thể nhân hoặc chia cả TS và MS của PS đó với một số tự nhiên khác 0, quy đồng MS các PS. | |
| **\* Bài 2.**  a. - Gọi HS nêu YC  - Bài toán yêu cầu làm gì?  - YCHS làm bài vào vở.  - GV mời HS nêu kết quả.  - GV mời HS nhận xét  b. - Gọi HS nêu YC  - Bài toán yêu cầu làm gì?  - YCHS làm bài vào vở.  - GV mời HS nêu kết quả.  - GV mời HS nhận xét  - GV hỏi: Em có nhận xét gì về mối quan hệ giữa phép chia và phân số?  c. - Gọi HS nêu YC  - Bài toán yêu cầu làm gì?  - YCHS làm bài vào vở.  - GV mời HS nêu kết quả.  - GV mời HS nhận xét  - GV hỏi: Để đưa một số tự nhiên bất kì về dạng phân số ta cần làm gì?  **\*Bài 3**.  a. - Gọi HS nêu YC  - Bài toán yêu cầu làm gì?  - Để tìm được phân số mới bằng phân số đã cho em cần làm gì?  - YCHS làm bài vào vở  - GV mời HS lên bảng trình bày cách làm.  - GV mời HS nhận xét.  - GV nhận xét  b. - Gọi HS nêu YC  - Bài toán yêu cầu làm gì?  - Để rút gọn phân số đã cho em cần làm gì?  - YCHS làm bài vào vở  - Giáo viên mời HS lên bảng trình bày cách làm.  - GV mời HS nhận xét.  - GV nhận xét  **\* Bài 4.**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Bài toán yêu cầu làm gì?  - Em có nhận xét gì về cặp phân số đã cho?  - Nêu cách quy đồng 2 PS khác mẫu số  - GV yêu cầu HS thực hiện quy đồng.  - GV và HS nhận xét. | - HS nêu yêu cầu.  - Bài toán yêu cầu viết và đọc PS  - HS làm bài và trình bày kết quả:  : Bốn mươi hai phần một trăm.  ….  - HS nhận xét, chữa bài.  - HS nêu yêu cầu.  - Bài toán yêu cầu viết thương của phép chia dưới dạng PS.  - HS làm bài và trình bày kết quả.  - HS nhận xét, chữa bài  - HS chia sẻ.  - HS nêu yêu cầu.  - Bài toán yêu cầu viết các số tự nhiên thành PS.  - HS làm bài và trình bày kết quả.  - HS nhận xét, chữa bài  - HS chia sẻ.  - HS đọc yêu cầu  - Bài toán yêu cầu tìm 2 PS bằng phân số đã cho  - Ta tiến hành nhân cả tử và mẫu của phân số ban đầu với một số khác 0.  - HS làm vở  - HS nhận xét, chữa bài.  - HS đọc yêu cầu  - Bài toán yêu cầu rút gọn PS  - Ta tiến hành chia cả tử và mẫu của phân số ban đầu với một số khác 0.  - HS làm vở  - HS nhận xét, chữa bài.  - HS chia sẻ.  - HS đọc yêu cầu  - Bài toán yêu cầu quy đồng 2 PS  - Đây là 2 PS khác mẫu số, mẫu số này có thể chia hết cho mẫu số kia.  - Học sinh nêu cách quy đồng 2 PS khác mẫu.  - HS làm bài.  - HS lắng nghe, chữa bài. |
| **3. HĐ vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| **Bài 4. Viết các phân số sau thành phân số thập phân:**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.  - GV mời cả lớp suy nghĩ và tìm hiểu.  - GV mời HS trả lời.  - GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - Cho HS rút ra KL: Nhân hoặc chia cả tử số và mẫu số của các phân số đã cho với một số thích hợp để được phân số có mẫu số là 10; 100; 1 000, …  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn dò bài về nhà. | - 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.  - Lớp làm việc cá nhân.  - HS trả lời:  = =  = =  = =  = = |

**Tiết 3: Lịch sử & Địa lí**

**BÀI 1: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, LÃNH THỔ, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH,**

**QUỐC KÌ, QUỐC HUY, QUỐC CA VIỆT NAM (Tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

-Xác định được vị trí địa lí của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đó.

- Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất.

- Mô tả được hình dạng lãnh thổ phần đất liền của Việt Nam.

- Nêu được số lượng đơn vị hành chính của Việt Nam; kế được tên một số tỉnh, thành phố của Việt Nam.

- Nêu được ý nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam.

**2. Năng lực**

***-*** *Tự chủ và tự học:* tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

- *Giao tiếp và hợp tác:* hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.

- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

- Xác định được vị trí địa lí của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đó.

- Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất.

- Mô tả được hình dạng lãnh thổ phần đất liền của Việt Nam.

- Nêu được số lượng đơn vị hành chính của Việt Nam; kế được tên một số tỉnh, thành phố của Việt Nam.

- Nêu được ý nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam.

**3. Phẩm chất**

- *Yêu nước:* Yêu quý và tự hào về đất nước Việt Nam.

- *Chăm chỉ:* Hoàn thành các nhiệm vụ học tập và luôn tự giác tìm hiểu, khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Bản đồ hành chính Việt Nam.

- Một số hình ảnh có sự xuất hiện Quốc kì và Quốc huy nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Một số hình ảnh minh hoạ về ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất.

- Máy tính, máy chiếu.

**2. Học sinh**

- SHS Lịch sử và Địa lí 5 Cánh diều.

- Thông tin, tài liệu, tranh ảnh về làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối với bài học mới.  **b. Cách tiến hành**  - GV giới thiệu cho HS quả địa cầu thế giới:    - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân:  *+ Tìm vị trí của Việt Nam trên quả địa cầu. Việt Nam nằm ở châu lục nào?*  *+ Chia sẻ hiểu biết của em về đất nước mình.*  - GV mời 1 – 2 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và giới thiệu cho HS:  *+* *Việt Nam nằm trong khu vực Đông Nam Á, tiếp giáp với Biển Đông.*  *+ Việt Nam có lãnh thổ bao gồm cả phần đất liền, biển đảo, vùng trời.*  - GV dẫn dắt HS vào bài học: *Chúng ta vừa tìm hiểu về vị trí địa lí của nước ta. Để tìm hiểu sâu hơn về Tổ quốc thân yêu hình chữ S, chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay:* ***Bài 1 – Vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính, quốc kì, quốc huy, quốc ca (T3)***  **2. Hoạt động luyện tập**  ***Nhiệm vụ 4: Giới thiệu những hình ảnh có sự xuất hiện Quốc kì và Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà em đã sưu tầm.***  - GV tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm 4 HS: *Giới thiệu những hình ảnh có sự xuất hiện Quốc kì và Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà em đã sưu tầm*  - GV hướng dẫn HS thực hiện theo các gợi ý sau:  *+ Đó là hình ảnh nào?*  *+ Hình ảnh đó em sưu tầm được ở đâu, vào thời điểm nào?*  *+ Hình ảnh đó có ý nghĩa như thế nào?*  *+ Em sẽ làm gì để giữ gìn hình ảnh đó?*  - GV mời đại diện 2 – 3 nhóm lên trình bày trước lớp. HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).  - GV giới thiệu một số hình ảnh  Bài 13: Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt NamTư tưởng chính trị - trọng tâm chống phá của các thế lực thù địch | Tạp ...  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi HS tích cực tham gia hoạt động.  **\* Nhiệm vụ 5**  **a. Mục tiêu**: Giúp HS củng cố kiến thức đã học về phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.  **b. Cách tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Xác định và mô tả vị trí của Việt Nam trên bản đồ khu vực Đông Nam Á.***  - GV yêu cầu các nhóm thảo luận, quan sát bản đồ    - GV mời đại diện một số nhóm trình bày trước lớp. Các nhóm khác quan sát, nhận xét.  - GV nhận xét, chốt đáp án:  *+ Việt Nam nằm ở khu vực trung tâm của Đông Nam Á, thuộc châu Á.*  *+ Trên đất liền, nước ta có chung đường biên giới với Trung Quốc ở phía Bắc, Lào, Cam-pu-chia ở phía Tây và tiếp giáp với Biển Đông về phía Đông*  *+ Vùng biển nước ta thuộc Biển Đông, giáp với vùng biển của nhiều quốc gia.*  ***Nhiệm vụ 2: Xác định vị trí của 5 thành phố trực thuộc trung ương ở Việt Nam trên hình 3***  - GV yêu cầu HS: *Hãy vẽ sơ đồ ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất ở Việt Nam theo gợi ý.*  - GV gợi ý cho HS vẽ sơ đồ theo mẫu:    - GV mời đại diện các nhóm trình bày trước lớp, HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung.  - GV nhận xét, đưa ra sơ đồ tham khảo:  - Nhận xét tuyên dương  **3. Hoạt động vận dụng**  **a. Mục tiêu:** HS ứng dụng được những điều đã học vào thực tiễn áp dụng học môn Lịch sử và Địa lí.  **b. Cách tiến hành**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi: *Ở trường học, em tham gia lễ Chào cờ và hát Quốc ca khi nào? Hãy cho biết cảm nghĩ của em khi đó.*  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến.  - GV nhận xét, đánh giá, khích lệ HS.  - GV yêu cầu HS: *Sưu tầm tư liệu và đóng vai hướng dẫn viên du lịch giới thiệu về một trong năm thành phố trực thuộc Trung ương của Việt Nam.*  - GV hướng dẫn HS thực hiện theo nhóm 4 HS.  - GV mời 1 – 2 nhóm trình bày trước lớp, nhóm khác lắng nghe, nhận xét,  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “***Đố vui***”.  - GV đọc từng câu hỏi và HS giơ tay để phát biểu. GV công bố đáp án sau khi HS trả lời.  **Câu 1:** Việt Nam nằm ở khu vực nào?  A. Tây Nam Á.  B. Đông Nam Á.  C. Bắc Á.  D. Nam Á.  **Câu 2:** Đâu không phải quốc gia có chung biên giới với Việt Nam?  A. Thái Lan.  B. Trung Quốc.  C. Lào.  D. Cam-pu-chia.  **Câu 3:** Việt Nam có bao nhiêu đơn vị hành chính?  A. 32.  B. 62.  C. 63.  D. 43.  **Câu 4:** Hình bánh xe trên quốc huy tượng trưng cho điều gì?  A. Sản xuất.  B. Trồng trọt.  C. Nông nghiệp.  D. Công nghiệp.  **Câu 5:** Bài hát Tiến quân ca do ai sáng tác?  A. Văn Cao.  B. Phạm Tuyên.  C. Trịnh Công Sơn.  D. Nam Cao.  - GV công bố đáp án ngay sau khi HS nêu đáp án:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** | | B | A | C | D | A |   **\* Củng cố**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* Dặn dò**  - GV nhắc nhở HS:  + Đọc lại bài học *Vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính, quốc kì, quốc huy, quốc ca của Việt Nam.*  + Có ý thức chăm chỉ, tìm tòi, học hỏi những phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.  + Đọc trước *Bài 2 – Thiên nhiên Việt Nam* (SHS tr.10). | - HS quan sát hình ảnh, lắng nghe GV nêu câu hỏi.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài học mới.  - HS chia thành các nhóm và thảo luận theo nhiệm vụ được phân công.  - HS trình bày trước lớp.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS trình bày.  - HS thảo luận nhóm.  - HS tiếp thu, lắng nghe.  - Hs nghe và trả lời  -  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

........................................................................................................................................

**----------------------------------------------------------------**

**Tiết 4: HĐTN**

**HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ: PHÁT HUY**

**TRUYỀN THỐNG NHÀ TRƯỜNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Nêu được những việc cần làm để góp phần xây dựng; phát huy truyền thống nhà trường.

- Xác định được các việc làm phù hợp với bản thân để phát huy truyền thống nhà trường.

**2. Năng lực**

*- Năng lực thích ứng với cuộc sống*: Thực hiện những việc làm để góp phần xây dựng, phát huy truyền thống trường em.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

*- Năng lực tự chủ và tự học*: Biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

**3. Phẩm chất**

-Trách nhiệm**:** Có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao trong các hoạt động và các hoạt động trong nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Cây hoa dân chủ (cây thật) có gắn các bông hoa nhiều màu sắc. Trên mỗi bông hoa có viết một câu hỏi, một yêu cầu về truyền thống nhà trường.

**2. Học sinh**

- SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 5.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động**  **a. Mục tiêu:** Sau khi tham gia hoạt động, HS có khả năng  - Tạo tâm thế cho HS, giúp đỡ HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú với bài học mới. | |
| **b. Cách tiến hành**  - GV cho HS xem video về Video “Kế thừa và phát huy truyền thống hiếu học của dân tộc”.  <https://youtu.be/XfWgbN9FXDc> (0:00 đến 3:30)  - GV đặt câu hỏi:  *+ Video đề cập đến truyền thống nào của dân tộc ta nói chung và các trường học nói riêng?*  *+ Em đã làm gì để phát huy truyền thống này?*  - GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi.  - GV nhận xét, chốt đáp án*:*  *+ Video đề cập đến truyền thống hiếu học.*  *+ Một số việc làm phát huy truyền thống em đã làm: học và làm bài trước khi đến lớp, tìm hiểu và đọc sách,...*  - GV tổng kết và dẫn dắt vào bài học: *Chúng ta cùng đi vào bài học hôm nay nhé –* ***Tuần 2 – Tiết 2: Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Phát huy truyền thống nhà trường.***  **2. HĐ thực hành luyện tập**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Thể hiện được hiểu biết của mình về truyền thống nhà trường.  - Phát triển năng lực giao tiếp cho HS thông qua trò chơi.  **Hoạt động 1: Cùng chơi Hái hoa dân chủ**  **b. Cách tiến hành:**  - GV chuẩn bị cây hoa dân chủ có gắn nhiều bông hoa. Trên mỗi bông hoa có viết một câu hỏi về truyền thống của trường.  - GV mời một số HS làm quản trò.  - GV phổ biến cách chơi Hái hoa dân chủ.:  + HS xung phong lên lựa chọn ngẫu nhiên một bông hoa.  + HS trả lời câu hỏi được viết trên bông hoa.  - Câu hỏi dự kiến ghi trong bông hoa có thể là:  *+ Hãy nêu ý nghĩa của tên trường mình?*  *+ Trường mình được thành lập vào năm nào?*  *+ Em biết những truyền thống nào của nhà trường?*  *+ Nơi đâu trong trường học lưu giữ những truyền thống nhà trường?*  *+ Em ấn tượng với truyền thống nào của nhà trường?*  *+ Em đã tham gia phát huy truyền thống nào của nhà trường chưa? Đó là truyền thống nào?*  *+ Em có cảm giác gì khi tham gia phát triển truyền thống nhà trường?*  *+ Truyền thống uống nước nhớ nguồn của trường em thể hiện qua hoạt động nào?*  *+ Theo em vì sao lại có ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11?*  *+ Em đã tham gia hoạt động nào trong dịp kỉ niệm ngày nhà giáo Việt Nam 20-11?...*  *+ Giới thiệu về truyền thống hiếu học của nhà trường.*  - GV mời HS hái hoa và trả lời câu hỏi. HS khác lắng nghe, nhận xét.  - GV nhận xét, đánh giá, ghi nhận đáp án hợp lí và khen ngợi HS:  *+ Truyền thống nào của nhà trường: uống nước nhớ nguồn, tôn sư trọng đạo, hiếu học...*  *+ Phòng truyền thống là nơi lưu giữ những truyền thống nhà trường.*  *+ Truyền thống uống nước nhớ nguồn thể hiện qua hoạt động kỉ niệm ngày 20-11, ngày 27/7,...*  *+ Ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11 là để tôn vinh những đóng góp của thầy cô, đông thời là cơ hội để HS bày tỏ lòng biết ơn, truyền thống tôn sư trọng đạo, uống nước nhớ nguồn.*  *+ Một số hoạt động tham gia ngày 20-11: biểu diễn văn nghệ, vẽ báo tường,...*  - GV cho HS chơi trò chơi **Phóng viên nhí** để mời một số học sinh chia sẻ cảm xúc của bản thân sau khi tham gia.  Kết luận: GV khen ngợi HS đã tích cực nhiệt tình tham gia trò chơi và thể hiện được hiểu biết của bản thân về truyền thống nhà trường**.**  **Hoạt động 2: Thảo luận về những việc làm để phát huy truyền thống nhà trường**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS xác định được những việc làm phù hợp với bản thân để góp phần phát huy truyền thống nhà trường.  **b. Cách tiến hành:**  ***Nhiệm vụ 1: Thảo luận về những việc làm để phát huy truyền thống nhà trường***  - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 4 – 5 HS  - GV yêu cầu HS: *Thảo luận về những việc cần làm để góp phần xây dựng, phát huy truyền thống nhà trường.*  - GV chia mỗi nhóm thảo luận những việc cần làm để phát huy một truyền thống nhà trường.  - GV gợi ý cho HS một số truyền thống cụ thể để thảo luận:  *+ Tôn sư trọng đạo.*  *+ Hiếu học.*  *+ Tương thân tương ái...*  - GV khuyến khích HS trình chiếu thêm các tranh, ảnh để phần thảo luận thêm sinh động.  - GV gợi ý cho HS cách trình bày bằng sơ đồ cho phần thảo luận.  ***Nhiệm vụ 2: Trao đổi về kết quả hoạt động.***  - GV mời đại diện HS một số nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và ghi nhận kết quả hợp lí.  ***Nhiệm vụ 3: Xác định các việc làm phù hợp với bản thân để phát huy truyền thống nhà trường.***  - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để xác định những việc làm phù hợp với bản thân để phát huy truyền thống nhà trường.  - GV hướng dẫn HS dựa vào phần thảo luận để làm việc.  - GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp. HS khác lắng nghe, nhận xét.  - GV ghi nhận và khuyến khích HS thực hiện việc làm phù hợp để phát huy truyền thống tốt đẹp của nhà trường:  *+ Tích cực tìm hiểu và tuyên truyền về truyền thống của nhà trường.*  *+ Tham gia ủng hộ, giúp đỡ các bạn HS, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn.*  *+ Chăm chỉ học tập, rèn luyện, thi đua, cổ vũ nhau cùng tiến bộ...*  **3. Hoạt động vận dụng**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố kiến thức đã học về truyền thống nhà trường  **b. Cách tiến hành**  Cho HS chơi trò chơi ***Ai nhanh, Ai đúng.***  - GV chiếu các câu hỏi trên màn hình  Câu 1: Ngày lễ nào sau đây thể hiện truyền thống tôn sư trọng đạo?  A. Kỉ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11.  B. Kỉ niệm ngày Thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam 22/12.  C. Kỉ niệm ngày sinh của Chủ tịch HCM  D. Kỉ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 8/3.  Câu 2: Đâu **không** phải là hành động phát huy truyền thống hiếu học?  A. Xây dựng góc đọc sách.  B. Chăm chỉ học tập.  C. Ghi nhớ công lao của thầy cô.  D. Tổ chức chơi theo nhóm.  Câu 3: Đâu **không** phải truyền thống của nhà trường?  A. Uống nước nhớ nguồn  B. Ăn vóc học hay  C. Hiếu học  D. Tôn sư trọng đạo  Câu 4: Đâu là hành động phát huy truyền thống tương thân tương ái?  A. Tham gia các hoạt động ngoài giờ ở trường.  B. Yêu quý và lễ phép với thầy cô.  C. Tự giác học và làm bài trước khi đến lớp.  D. Đóng góp ủng hộ các bạn học sinh vùng núi.  **\* Củng cố**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* Dặn dò**  - GV nhắc nhở HS:  + Ôn lại các kiến thức đã học hôm nay.  + Tìm hiểu việc làm phát huy truyền thống nhà trường. | - HS nghe bài hát.  - HS lắng nghe câu hỏi.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe và tiếp thu.  - Học sinh lắng nghe GV giới thiệu bài học.  - HS làm quản trò.  - HS lắng nghe GV hướng dẫn.  - HS hái hoa dân chủ.  - HS hái hoa và trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS chia sẻ cảm xúc của mình  - HS nghe  - HS tham gia hoạt động nhóm trình bày kết quả theo sơ đồ tư duy hay sơ đồ tranh ảnh, đoạn văn… tuỳ sự sáng tạo của từng nhóm .  - HS trưng bày sản phẩm theo kĩ tuật **Phòng tranh**  - HS tham quan kết quả thảo luận các nhóm và bình chọn  Đại diện nhóm báo cáo kết quả thảo luận  - HS trình bày.  - HS quan sát, tiếp thu.  - HS làm việc cá nhân.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS trình bày.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  -HS đọc và nhanh trả lời . Nếu trả lời đúng được thưởng một tràng pháo tay.  Đáp án A  Đáp án D  Đáp án B  Đáp án D  - HS lắng nghe, ghi chú. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

..……………………………………………………………………………………….……………………………………………………….…….……..…………………….

**----------------------------------------------------------------**

**Buổi chiều**

**Tiết 2: Khoa học**

**bài 2: HỖN HỢP VÀ DUNG DỊCH (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Hỗn hợp là gì?. Phân biệt được hỗn hợp từ các ví dụ đã cho.

**2. Năng lực**

- *Năng lực tự chủ, tự học:* Tích cực, chủ động tìm hiểu về các thí nghiệm tạo ra dung dịch và hỗn hợp.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Tham gia nhiệm vụ nhóm, chia sẻ, trình bày kết quả nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết cách tạo ra các hỗn hợp, dung dịch có thể sử dụng trong thực tế, ví dụ: Hỗn hợp muối tiêu; dung dịch nước cam…

**3. Phẩm chất**

- *Nhân ái*: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

*Trách nhiệm*: Chuẩn bị dụng cụ thí nghiệm theo phân công nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Giáo án, máy tính, máy chiếu.

- Hình ảnh, video liên quan đến bài học.

- Dụng cụ thí nghiệm. Phiếu học tập.

- SGK, Vở Bài tập Khoa học 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

- Dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

- SGK, Vở Bài tập Khoa học 5.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động**  **a. Mục tiêu:** HS trả lời được câu hỏi mở đầu kết nối vào bài học.  **b. Cách tiến hành** | | |
| - GV yêu cầu HS quan sát hình 1, thảo luận và trả lời câu hỏi:  *Trong cốc A và B ở hình 1 có chứa gì? Sau khi khuấy đều và để lắng, em còn nhìn thấy muối ăn hay cát trong mỗi cốc không? Vì sao?*    - GV mời 1 HS trả lời câu hỏi.        - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài học mới: *Trong cả hai cốc đều có hai thành phần trộn lẫn với nhau, gọi là hỗn hợp. Vậy làm thế nào để phân biệt được hỗn hợp và dung dịch? Chúng ta sẽ tìm hiểu ở bài* ***Bài 2 – Hỗn hợp và dung dịch.*** | | - HS quan sát hình ảnh, thảo luận trả lời câu hỏi.            - HS trả lời:  *Sau khi khuấy đều và để lắng, không còn nhìn thấy muối ăn trong cốc A do muối ăn đã hòa tan trong nước nhưng vẫn còn nhìn thấy cát trong cốc B do cát không hòa tan trong nước.*  - HS lắng nghe, ghi bài. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức**  **a. Mục tiêu:** Nêu được số lượng chất có trong hỗn hợp; nêu được tính chất của mỗi chất trong hỗn hợp không thay đổi; làm được thí nghiệm tạo hỗn hợp; nhận biết được các chất trong hỗn hợp có thể hòa tan vào nhau hoặc không hòa tan vào nhau.  **b. Cách tiến hành:** | | |
| **Hoạt động 1: Thực hành tạo hỗn hợp**  - GV yêu cầu HS đọc nội dung trong mục Con ong SGK trang 12 để có kiến thức ban đầu về hỗn hợp.  - GV chia lớp thành các nhóm 4.  - GV tổ chức cho HS làm thí nghiệm 1 theo hướng dẫn trong SGK trang 12, 13.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, ghi kết quả vào phiếu học tập số 1  - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập của nhóm mình lên bảng chung. Các nhóm khác nhận xét chéo, kiểm chứng để chuẩn hóa kết quả Phiếu học tập số 1.  - GV nhận xét, tuyên dương các nhóm có phần thực hành và kết quả báo cáo tốt.  - GV mời đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu về hỗn hợp thu được và so sánh với nội dung trong mục Con ong SGK trang 12 xem có phù hợp không.  - GV nhận xét, tổng kết kiến thức về hỗn hợp.  - GV cung cấp thông tin: *Hỗn hợp thu được là bột canh được sử dụng trong cuộc sống, có thể thêm, bớt thành phần để có vị phù hợp với sở thích và mục đích.*  - GV tổ chức cho HS làm thí nghiệm 2 theo 4 dựa vào hướng dẫn trong SGK trang 13.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, ghi kết quả vào phiếu học tập số 2.  - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập của nhóm mình lên bảng chung. Các nhóm khác nhận xét chéo, kiểm chứng để chuẩn hóa kết quả Phiếu học tập số 2.  - GV nhận xét, tuyên dương các nhóm có phần thực hành và kết quả báo cáo tốt.  - GV nêu câu hỏi mở rộng: *Em có nhận xét gì về đặc điểm của hỗn hợp từ hai thí nghiệm trên?*  - GV mời đại diện 2 – 3 nhóm trả lời. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, nêu đáp án: *Hỗn hợp có thể tạo thành từ hai chất trở lên. Hỗn hợp có tính chất của mọi chất trong hỗn hợp. Hỗn hợp có thể hòa tan hoặc không hòa tan vào nhau.* | | - HS đọc bài: *Hỗn hợp có từ hai chất trở lên trộn lẫn với nhau. Mỗi chất trong hỗn hợp vẫn giữ nguyên tính chất của nó.*  - HS chia thành các nhóm.  - HS đọc nội dung trong SGK và tiến hành thí nghiệm theo hướng dẫn.  - HS lắng nghe yêu cầu của GV.      - Đại diện nhóm trình bày kết quả *(đính kèm dưới hoạt động).*      - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS phát biểu: *Mỗi chất trong hỗn hợp vẫn giữ nguyên tính chất của nó ⇒ giống với nội dung mục Con ong.*    - HS lắng nghe, ghi bài.  - HS lắng nghe, tiếp thu, ghi nhớ.  - HS chia nhóm, làm thí nghiệm theo hướng dẫn*.*  - Đại diện nhóm trình bày kết quả        - HS lắng nghe GV nêu câu hỏi.      - HS trả lời.   - HS lắng nghe, chữa bài. |
| **3. Hoạt động luyện tập, thực hành**  **a. Mục tiêu:**Nêu được các hỗn hợp trong cuộc sống hằng ngày.  **b. Cách tiến hành:** | | |
| **Hoạt động 2: Tìm ví dụ về hỗn hợp trong cuộc sống**  - GV chia lớp thành các 4 nhóm, sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn yêu cầu HS làm câu hỏi 2,3 SGK trang 13 trên bảng nhóm.  - GV đi đến các nhóm hướng dẫn HS tìm các hỗn hợp thường gặp trong cuộc sống sau đó ghi câu trả lời vào câu 6, Bài 2 VBT.  - GV yêu cầu các nhóm treo kết quả làm việc theo kĩ thuật khăn trải bàn trước lớp. Các HS khác đọc và góp ý, nhận xét sản phẩm của nhau.          - GV nhận xét, chữa bài, cho điểm các nhóm có nhiều câu đúng.  - Lưu ý: *GV ghi các hỗn hợp HS tìm được trên bảng theo 2 cột, trong đó 1 cột là dung dịch để dẫn dắt vào nội dung 2. Dung dịch. giáo viên chụp lại bảng, dùng để chiếu vào tiết sau.* | | - HS chia nhóm, thực hiện yêu cầu của GV.    - HS lắng nghe GV hướng dẫn.    - HS trình bày:  ***Câu 2:****Không khí là hỗn hợp, vì không khí bao gồm các chất khí: ni-tơ, ô-xi, các-bô-níc, hơi nước,....*  ***Câu 3:****Một số hỗn hợp thường gặp trong cuộc sống: món canh, cốc nước trà, xôi đậu đen, bột ngũ cốc, sữa, rác trong thùng đựng rác,...*  - HS chữa bài.  - Lắng nghe |
| **4. Hoạt động vận dụng**  - HS củng cố kiến thức sau bài học.  - Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau bài học.  **b) Cách tiến hành:** | | |
| - GV cho HS chia sẻ trước lớp:  + Nêu những hiểu biết của em về hỗn hợp? Cho ví dụ  - GV cho HS chia sẻ trước lớp.  - GV cho nhận xét, tuyên dương HS tích cực tham gia các hoạt động học tập.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS chia sẻ trước lớp:  + Hỗn hợp là hai hay nhiều chất trộn lẫn vào nhau. Mỗi chất trong hỗn hợp được gọi là một chất thành phần ( Nước muối sinh ly)  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ. | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**--------------------------------------------------------**

**Tiết 3: Khoa học**

**BÀI 2: HỖN HỢP VÀ DUNG DỊCH**

**(Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Dung dịch là gì?. Phân biệt được dung dịch từ các ví dụ đã cho.

**2. Năng lực**

***-*** *Năng lực tự chủ, tự học:* Tích cực, chủ động tìm hiểu về các thí nghiệm tạo ra dung dịch và hỗn hợp.

***-*** *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Tham gia nhiệm vụ nhóm, chia sẻ, trình bày kết quả nhóm.

***-*** *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết cách tạo ra các hỗn hợp, dung dịch có thể sử dụng trong thực tế, ví dụ: Hỗn hợp muối tiêu; dung dịch nước cam…

**3. Phẩm chất**

***-*** *Nhân ái*: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

***-*** *Trách nhiệm*: Chuẩn bị dụng cụ thí nghiệm theo phân công nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Giáo án, máy tính, máy chiếu.

- Hình ảnh, video liên quan đến bài học.

- Dụng cụ thí nghiệm. Phiếu học tập.

- SGK, Vở Bài tập Khoa học 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

- Dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

- SGK, Vở Bài tập Khoa học 5 tập 1.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động**  **a. Mục tiêu:** HS trả lời được câu hỏi mở đầu kết nối vào bài học.  **b. Cách tiến hành** | | |
| - GV yêu cầu HS quan sát hình 1,2, thảo luận và trả lời câu hỏi:  *Trong cốc A và B ở hình 1 có chứa gì? Sau khi khuấy đều và để lắng, em còn nhìn thấy đường hay tranh trong mỗi cốc không? Vì sao?*    Hình 1 Hình 2  - GV mời 1 HS trả lời câu hỏi.        - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài học mới:  *Chúng ta sẽ tìm hiểu ở bài* ***Bài 2 – Hỗn hợp và dung dịch.*** | | - HS quan sát hình ảnh, thảo luận trả lời câu hỏi.            - HS trả lời:  *Sau khi khuấy đều và để lắng, không còn nhìn thấy đường, tranh trong cốc do đường và nước tranh đã hòa tan trong nước .*  - HS lắng nghe, ghi bài. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức**  **a. Mục tiêu:**Phân biệt được hỗn hợp và dung dịch từ các hỗn hợp đã cho.  **b. Cách tiến hành:** | | |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu đặc điểm của dung dịch**  - GV yêu cầu HS đọc nội dung mục Con ong SGK trang 14, gọi một số HS nhắc lại.  - GV chiếu nội dung từ tiết học trước các hỗn hợp HS đã tìm được (trong đó các hỗn hợp thuộc loại dung dịch được xếp vào một cột).  - GV yêu cầu HS: *Tìm các dung dịch trong số các hỗn hợp đó.*  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, tuyên dương các HS có câu trả lời đúng*.*  - GV chiếu lại kết quả sau khi khuấy hình 1, bài 2 SGK.  - GV yêu cầu HS làm câu 7, Bài 2 VBT*: Sau khi khuấy và để lắng thì cốc nào trong hình 1, trang 12 SGK chứa dung dịch? Vì sao?*  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, chốt đáp án.  - GV tổ chức cho HS quan sát thí nghiệm 2, mục 1, trang 13 SGK, đồng thời chiếu lại hình ảnh kết quả tạo ra các hỗn hợp đã chụp từ tiết học trước.  - GV yêu cầu HS dựa vào thông tin trên, trả lời câu hỏi: *Trong các hỗn hợp tạo ra ở thí nghiệm 2, mục 1, hỗn hợp nào là dung dịch?*  - GV mời đại diện 2 – 3 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - Giáo viên nhận xét, tuyên dương HS trả lời đúng.  - GV chia lớp thành các nhóm 4, quan sát hình 4.    - GV yêu cầu các nhóm thảo luận và trả lời câu hỏi mục Quan sát, SGK trang 14: *Hỗn hợp nào trong hình 4 là dung dịch? Vì sao?*  - GV mời đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét câu trả lời.  - GV yêu cầu HS: *Nhắc lại kiến thức liên quan tới dung dịch (thành phần, đặc điểm, sự khác nhau giữa hỗn hợp và dung dịch).*  - GV mời đại diện 2 – 3 HS nhắc lại.  - GV nhận xét, tuyên dương. | | - HS đọc bài: *Dung dịch có từ hai chất trở lên và chúng hòa tan hoàn toàn vào nhau.*  - HS quan sát hình.  - HS lắng nghe GV nêu câu hỏi.    - HS trả lời.      - HS lắng nghe, tiếp thu, ghi nhớ.    - HS quan sát hình.    - HS lắng nghe yêu cầu của GV.      - HS trả lời: *Cốc A, vì không còn nhìn thấy muối ăn trong cốc.*    - HS lắng nghe, chữa bài.  - HS nghiên cứu thí nghiệm kết hợp quan sát hình.      - HS lắng nghe yêu cầu của GV.      - HS trả lời: *Các dung dịch bao gồm: muối và nước, mì chính và nước, đường và nước.*  - HS lắng nghe, tiếp thu, ghi bài.  - HS chia nhóm, quan sát hình.          - HS lắng nghe GV nêu câu hỏi.    - HS trả lời: *a) và d) là dung dịch vì chúng hòa tan hoàn toàn vào nhau, các thành phần không tách riêng nhau.*  Điều gì xảy ra khi bạn thường xuyên uống nước ấm pha mật ong mỗi ngày? Uống C sủi chữa nhiệt miệng được không? - Nha Khoa Đông Nam®  - HS lắng nghe, chữa bài vào câu 9, Bài 2 VBT.  - HS lắng nghe yêu cầu của GV.  - HS nhắc lại: *Dung dịch có từ hai chất trở lên và chúng hòa tan hoàn toàn vào nhau.*  - HS lắng nghe, phát huy. |
| **3. Hoạt động luyện tập, thực hành**  **a. Mục tiêu:**Nêu được các dung dịch trong cuộc sống hằng ngày.  **b. Cách tiến hành:** | | |
| **Hoạt động 4: Tìm ví dụ về dung dịch trong cuộc sống**  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 6, dùng giấy khổ lớn để trả lời câu hỏi: *Kể thêm các dung dịch mà em biết.*  - GV yêu cầu các nhóm treo kết quả làm việc trước lớp. Các nhóm khác đánh giá chéo, báo cáo kết quả.  - GV tổng kết, đưa ra đáp án.  - GV yêu cầu HS: *Đọc mục Em có biết SGK trang 14, nêu bằng chứng về thành phần “có các chất béo không tan”.*  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày.  - Nhận xét tuyên dương. | | - HS lắng nghe GV nêu câu hỏi.  - HS trình bày: nước muối, nước đường, nước chanh, nước hoa,...  *-*Chia sẻ  - HS lắng nghe, tiếp thu, ghi bài.  - HS lắng nghe yêu cầu của GV.  - HS trả lời. *Sữa tươi để một thời gian có một lớp váng trên bề mặt, ăn béo ngậy. Phomai cũng là các hạt béo tách ra từ sữa tươi.*  - HS lắng nghe, chữa bài. |
| **4. Hoạt động vận dụng**  **a) Mục tiêu:**  - HS củng cố kiến thức sau bài học.  - Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau bài học.  **b) Cách tiến hành:** | | |
| - GV cho HS chia sẻ trước lớp:  + Nêu những hiểu biết của em về dung dịch? Cho ví dụ  - GV cho HS chia sẻ trước lớp.  - GV cho nhận xét, tuyên dương HS tích cực tham gia các hoạt động học tập.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS chia sẻ trước lớp:  +Dung dịch là một hỗn hợp đồng nhất của hai hay nhiều chất hòa tan vào nhau ( nước muối)  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ. | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

***Thời gian thực hiện: Thứ tư, ngày 18/9/2024***

**Buổi sáng**

**Tiết 1 + 2: Tiếng Việt**

**ĐỌC: Bài 4. BẾN SÔNG TUỔI THƠ (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức***

- Đọc đúng toàn bộ câu chuyện Bến sông tuổi thơ. Biết đọc diễn cảm văn bản phù hợp với nội dung; tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút;

- Biết đến những câu chuyện hay (cổ tích, đồng thoại, khoa học viễn tưởng,...) và những điều làm nên sự thú vị của câu chuyện: bối cảnh, nhân vật, sự việc,...

- Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua tâm trạng, cảm xúc,...

- Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện. Phân chia được bố cục và bước đầu tóm tắt được văn bản

***2. Năng lực***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất***

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu cảnh đẹp đất nước thông qua những hoạt động cảnh vật ở nhiều miền trên đất nước.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, ảnh câu chuyện Bến sông tuổi thơ.

**2. Học sinh**

- SGK và các thiết bị, ảnh câu chuyện Bến sông tuổi thơ.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. HĐ khởi động**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV cho 2 HS lên đọc thuộc lòng bài “Tuổi ngựa” và nêu suy nghĩ gì về các bạn nhỏ trong câu chuyện. | | HS đọc thuộc lòng và trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe. | |
| - GV cho học sinh nghe bài hát: “Con sông tuổi thơ tôi”  - GV yêu cầu hs: “Nêu cảm nhận của em về bài hát vừa nghe”  - Giáo viên hướng dẫn HS quan sát tranh minh họa và yêu cầu hs miêu tả cảnh vật trong tranh    - GV dẫn dắt vào bài học: *Quê hương Việt Nam chúng ta thật nhiều cảnh đẹp, phong phú. Mỗi nơi mang vẻ đẹp đặc trưng của từng vùng. Bài đọc “Bến sông tuổi thơ” là câu chuyện các bạn nhỏ đã cùng nhau có những kỉ niệm tuổi thơ gắn liền với quê hương sông nước bình dị, những kỉ niệm sâu sắc với bạn bè, những món ăn đặc sản của vùng quê. Mỗi thứ đều gắn sâu trong kí ức và gom góp nên sự tự hào trong suy nghĩ, tình cảm của bạn nhỏ ấy.* | | - HS nghe bài hát  - HS nêu cảm nhận  - HS quan sát tranh và miêu tả  - HS lắng nghe và tiếp thu. | |
| **2. HĐ khám phá.**  - Mục tiêu: - Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ bài thơ “Bến sông tuỏi thơ”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp với dòng cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện.  - Cách tiến hành: | | | |
| **2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc.**  - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện những tình tiết, những sự việc quan trọng, những từ ngữ, chi tiết diễn tả cảm xúc của nhân vật, hình ảnh bến sông quê hương hiện lên trong tâm trí của bạn nhỏ.  - GV HD đọc: Đọc đúng các từ ngữ chưa tiếng dễ phát âm sai  - Gọi 1 HS đọc toàn bài.  - GV chia đoạn:  + Đoạn 1: Từ đầu đến vì cay  + Đoạn 2: Tiếp theo đến cù lao này.  + Đoạn 3: Tiếp theo chưa đến  + Đoạn 4: Phần còn lại  - GV gọi 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: ( *lững lờ, nước ròng, cù lao…)*  - GV hướng dẫn luyện đọc câu: ( Chiếu đoạn 1 hướng dẫn đọc)  Chiều chiều,/ gió từ phía sông thổi về man mác,/ những bông hoa bần tim tím nở xoè,/ từng cánh hoa thi nhau rơi xuống rồi cuốn trôi theo dòng nước  - GV mời 4 HS đọc nối tiếp đoạn hoàn thành câu chuyện  - GV nhận xét tuyên dương. | | | - Hs lắng nghe GV đọc.  - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.  - 1 HS đọc toàn bài.  - HS quan sát và đánh dấu các đoạn.  - 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - HS đọc từ khó.  - 2-3 HS đọc câu.  - 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn. |
| **3. HĐ luyện tập.**  - Mục tiêu:  Nhận biết được đặc diểm của nhân vật thể hiện qua tâm trạng, cảm xúc, … Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện. Bước đầu tóm tắt được văn bản.  - Cách tiến hành: | | | |
| **3.1. Giải nghĩa từ:**  - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ.  - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh mình hoạ (nếu có)  Bần: cây to, mọc ở vùng nước lợ, có rễ phụ nhọn và xốp đâm ngược lên khỏi mặt bùn.  - Cù lao (đảo): vùng đất nổi lên giữa sông hoặc ở biển. | - HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ.  - HS nghe giải nghĩa từ | | |
| **3.2. Tìm hiểu bài**  - GV gọi HS đọc toàn bài và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hoạt động cá nhân,…  - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  + Câu 1: Từ khi sinh ra, những hình ảnh nào của quê hương đã trở nên thân thuộc với bạn nhỏ?  + Câu 2:  Bạn nhỏ đã có những kỉ niệm gì cùng bạn bè trên bến sông tuổi thơ?  + Câu 3: Trong cảm nhận của bạn nhỏ, vẻ đẹp của quê hương hiện lên như thế nào?  + Câu 4: Bạn nhỏ nhắc đến đặc sản gì của quê hương? Chi tiết nào cho thấy bạn rất tự hào về đặc sản đó của quê mình?  Câu 5: Qua bài đọc, em yêu thích hình ảnh nào của vùng đất cù lao? Vì sao?  - GV nhận xét, tuyên dương  **3.3. Luyện đọc lại**  **-** Gv gợi ý cách đọc diễn cảm; Nhóm tổ chức đọc  + Học sinh làm việc theo nhóm góp ý bạn đọc  + Xung phong đọc trước lớp.  **3.4.**  **Luyện tập sau khi đọc**  **-** GV cho nhóm đôi thực hiện và tổ chức trình bày trước lớp.  **Câu 1:** Từ tôi và chúng tôi ở hai đoạn đầu của bài đọc được dùng để chỉ ai? Từ nào chỉ một người, từ nào chỉ nhiều người?    **Câu 2:** a. Tìm từ có nghĩa giống với từ in đậm trong các câu sau:  Thỉnh thoảng lại nghe những trái bản chín **rớt** tỏm xuống sông, âm thanh rất đỗi quen thuộc và gần gũi với bọn trẻ sống ở xứ **cù lao** này.  Mỗi chiều, bọn trẻ chúng tôi tụ năm tụ bảy ở bến sông, vui đùa đủ các trò của tuổi **con nít**.  **Trái** bần chua cũng là một “đặc sản” của quê tôi.  b. Qua những từ in đậm ở trên, em có nhận xét gì về cách dùng từ ngữ của nhà văn trong bài Bến sông tuổi thơ? Chọn đáp án đúng.  A. Nhà văn sử dụng từ ngữ gần gũi với trẻ em.  B. Nhà văn dùng từ ngữ phổ biến với nhiều người.  C. Nhà văn sử dụng từ ngữ đậm màu sắc Nam Bộ.  D. Nhà văn dùng những từ ngữ trừu tượng, mơ hồ.  **-** GV cho HS nhận xét, GV nhận xét, tuyên dương | - HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi:  + Từ khi sinh ra, hình ảnh dòng sông êm đềm lững lờ con nước, có hàng bần xanh soi bóng nghiêng nghiêng... đã trở nên thân thuộc với bạn nhỏ.  -Bạn nhỏ có kỉ niệm:  - Mỗi chiều, tụ năm tụ bảy ở bến sông, vui đùa đủ các trò của tuổi con nít.  - Thường lấy chén muối ớt hoặc chén mắm đồng rồi rủ nhau hái những trái bần để ăn. Hôm nào lỡ tay cho nhiều ớt quả thì cả bọn vừa ăn vừa hít hà vì cay.  - Trong cảm nhận của bạn nhỏ, vẻ đẹp của quê hương hiện lên thông qua hình ảnh những hàng bần nở hoa tím, bắt mắt chờ gió thổi qua. Bên cạnh đó, mùi vị của trái bần chín và hương thơm của canh cá bống sao nấu với trái bần chua cũng làm cho quê hương trở nên đặc biệt và gắn bó trong tâm trí bạn nhỏ.  + Bạn nhỏ nhắc đến đặc sản của quê hương là trái bần và canh cá bống sao nấu với trái bần chua. Chi tiết cho thấy bạn rất tự hào về đặc sản đó của quê mình: "Trái bần chua cũng là một đặc sản của quê tôi. Vì trái bần mà đem nấu canh chua cá bống sao hay cá bông lau thì khó có món nào ngon hơn được." Sự tự hào này thể hiện qua việc mô tả về hương vị ngon lành của món ăn đặc trưng của quê hương và mong muốn chia sẻ nó với những người đến thăm quê nhà.  + Trong bài đọc, em yêu thích hình ảnh của hàng bần nở hoa tím chờ gió thổi qua. Bởi vì hình ảnh này thể hiện sự tươi mới, sự sống động và vẻ đẹp tự nhiên của vùng đất cù lao.  - Nghe Gv và bạ hướng dẫn đọc.  -Nhóm phân công luân phiên bạn đọc  - 2 -3 HS đọc bài  - Từ "tôi" ở đoạn đầu của bài đọc được dùng để chỉ một người, tức là tác giả của bài thơ.  - Từ "chúng tôi" ở đoạn hai của bài đọc được dùng để chỉ nhiều người, tức là tác giả và nhóm bạn nhỏ của mình.  a. Tìm từ có nghĩa giống với từ in đậm trong các câu sau:  - Rớt: rơi  - Cù lao: đảo nhỏ  - Con nít: trẻ con  - Trái: quả.  b. Qua những từ in đậm ở trên, em thấy cách dùng từ ngữ của nhà văn trong bài Bến sông tuổi thơ rất gần gũi với trẻ em.  A. Nhà văn sử dụng từ ngữ gần gũi với trẻ em.  - HS nghe | | |
| **4. HĐ vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu cảm xúc của mình sau khi học xong bài “Bến sông tuổi thơ”.  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà đọc thuộc lòng bài. | | - HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

.......................................................................................................................................

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**---------------------------------------------------**

**Tiết 4: Toán**

**Bài 4:**

**ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG VỀ PHÂN SỐ ( Tiết 2 )**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Củng cố và hoàn thiện các kĩ năng đọc, viết phân số; vận dụng tính chất cơ bản của phân số; so sánh, sắp xếp các phân số.

- Quy đồng được hai phân số trong trường hợp có hai mẫu số khác nhau.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Năng lực**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, ....

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học, cẩn thận khi làm bài và yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh**

- Vở, bút, vở nháp và các đồ dùng học tập.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ khởi động** | |
| - Khởi động qua trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”, GV đưa ra một số PS và yêu cầu HS tìm PS mới bằng PS đã cho.  VD: , ,…  - Nhận xét, tuyên dương.  - Qua trò chơi, các em được ôn tập nội dung gì ?  - GVNX, giới thiệu bài. | - HS chơi trò chơi: HS dựa vào PS đã cho có thể rút gọn hoặc nhân PS đó với một số tự nhiên khác 0 để được một PS mới bằng PS đã cho.  - = ,…  - HS chia sẻ  - HS lắng nghe, ghi bài |
| **2. HĐ luyện tập**  **- Mục tiêu:** Ôn luyện về quy đồng MS các PS, so sánh các PS. | |
| **\* Bài 5.** **(Cá nhân)**  a.- Gọi HS nêu YC  - Bài toán yêu cầu làm gì?  - GV mời HS nêu cách quy đồng.  - GV mời HS nhận xét  - GV hỏi: Em có nhận xét gì về cách tìm MSC ở bài 4 tiết 1 với bài ngày hôm nay?  b. - Gọi HS nêu YC  - Bài toán yêu cầu làm gì?  - YCHS làm bài vào vở.  - GV mời HS nêu kết quả.  - GV mời HS nhận xét  **\*Bài 6. (Cặp đôi)**  a. - Gọi HS nêu YC  - Bài toán yêu cầu làm gì?  - YCHS làm bài vào vở  - GV mời HS lên bảng trình bày cách làm.  - GV mời HS nhận xét.  - GV nhận xét  **\* Bài 7. ( Cá nhân)**  a. - Gọi HS nêu YC  - Bài toán yêu cầu làm gì?  - Để so sánh các phân số em cần làm gì?  - YCHS làm bài vào vở  - GV mời HS chia sẻ kết quả (đọc miệng).  - GV mời HS nhận xét.  - GV nhận xét  - GV hỏi: để so sánh 2 PS khác MS ta cần làm gì?  b. - Gọi HS nêu YC  - Bài toán yêu cầu làm gì?  - YCHS làm bài vào vở  - GV mời HS chia sẻ kết quả (đọc miệng).  - GV mời HS nhận xét.  - GV nhận xét | - HS nêu yêu cầu.  - Bài toán yêu cầu nêu cách thực hiện quy đồng 2 PS khác mẫu số:  + Tìm MSC  + Lấy MSC chia cho MSR được bao nhiêu nhân cả TS và MS của PS với số đó (Bước quy đồng)  - HS nhận xét.  - HS chia sẻ.  - HS nêu yêu cầu.  - Bài toán yêu cầu quy đồng MS 2 PS.  - HS làm bài và trình bày kết quả.  - HS nhận xét, chữa bài  - HS chia sẻ.  - HS nêu yêu cầu.  - Bài toán yêu cầu quy đồng MS 2 PS.  - HS làm bài và trình bày kết quả.  - HS nhận xét, chữa bài  - HS đọc yêu cầu  - Bài toán yêu cầu so sánh 2 PS  - Nếu 2 PS cùng MS thì so sánh TS, nếu 2 PS khác MS thì tiến hành quy đồng MS 2 PS để đưa về cùng MS rồi so sánh hoặc so sánh chúng với 1 rồi kết luận.  - HS làm vở  - HS chia sẻ.  - HSTL.  - HS đọc yêu cầu  - Bài toán yêu cầu sắp xếp các PS theo thứ tự từ bé đến lớn.  - HS làm vở  - HS nhận xét, chữa bài. |
| **3. HĐ vận dụng trải nghiệm.**  **Mục tiêu:** - Giúp HS giải quyết được vấn đề thực tiễn thông qua bài toán. | |
| **\* Bài 8. ( Nhóm đôi)**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Bài toán yêu cầu làm gì?  - HS thảo luận nhóm đôi  - Mời HS chia sẻ đáp án  - GV và HS nhận xét.  - Em đã gặp PS trong các bài toán giải dạng nào?  - NX tiết học. | - HS đọc yêu cầu  - Bài toán yêu cầu tìm sợi dây mà bạn Dung và Đức đã leo và bạn nào leo được đoạn dây dài hơn.  - HS làm việc nhóm đôi và chia sẻ kết quả: Ta tiến hành quy đồng MS các PS do các PS này có MS khác nhau, sau khi đưa về cùng MS thì so sánh tử số, PS nào có tử số lớn hơn thì PS đó lớn hơn. Như vậy bạn Dung leo được đoạn dây dài hơn Đức.  - HS lắng nghe  - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

........................................................................................................................................

*-----------------------------------------------------*

***Thời gian thực hiện: Thứ năm, ngày 19/9/2024***

**Buổi sáng**

**Tiết 1: Toán**

**ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG VỀ CÁC PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Củng cố kĩ năng thực hiện được phép cộng, phép trừ các phân số trong trường hợp có một mẫu số chia hết cho các mẫu số còn lại và nhân, chia phân số.

- Thực hiện được phép cộng, phép trừ hai phân số bằng cách lấy mẫu số chung là tích của hai mẫu số.

- Giải quyết được vấn đề gắn với việc giải các bài toán (có một hoặc một vài bước tính) liên quan đến các phép tính về phân số.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu các kĩ năng làm toán để hoàn thành nhiệm vụ bài học mà thầy, cô giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được nội dung bài học để giải quyết một số tình huống thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất nhan ái: Luôn yêu mến bạn bè, biết giúp đỡ nhau trong học toán để cùng hoàn thành tốt nội dung bài học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh**

- Vở, bút, vở nháp và các đồ dùng học tập.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ khởi động**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. Kiểm tra kiến thức đã học ở bài trước.  + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.  - Cách tiến hành | |
| Khởi động qua trò chơi “Ai nhanh, ai đúng ”.  **Cách chơi:** GV đưa ra 5 phép tính cộng trừ PS khác mẫu và gọi 5 HS làm bạn nào làm nhanh sẽ là người chiến thắng trò chơi.  VD: , …  - Nhận xét, tuyên dương.  - Qua trò chơi, các em được ôn tập nội dung gì ?  - GVNX.  .- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe. |
| **2. HĐ luyện tập**  - Mục tiêu: Thực hiện được các phép tính cộng, trừ khác hân số  - Cách tiến hành. | |
| **\* Bài 2.**  - Gọi HS nêu YC  - Bài toán yêu cầu làm gì?  - GV mời HS nhận xét các PS đã cho.  - GV yêu cầu HS làm bài  - GV mời HS lên bảng thực hiện.  - GV hỏi: Em có nhận xét gì về cách cộng trừ PS với số tự nhiên?  **\*Bài 3**.  - Gọi HS nêu YC  - Bài toán yêu cầu làm gì?  - Để cộng trừ 2 PS khác mẫu số ta cần làm gì?  - YCHS làm bài vào vở  - Giáo viên mời HS lên bảng trình bày cách làm.  - GV mời HS nhận xét.  - GV nhận xét | - HS nêu yêu cầu.  - Bài toán yêu cầu cộng trừ 2 PS.  - HS nêu : ta có thể lấy MS riêng làm MSC.  - HS làm bài, chia sẻ kết quả :  = - =  6+ = – 1=  - HS chia sẻ.  - HS nêu yêu cầu.  - Bài toán yêu cầu cộng trừ 2 PS khác mẫu số.  - HS nêu :  + B1 : ta phải quy đồng mẫu số 2 PS. + B2 : cộng hoặc trừ 2 PS sau khi quy đồng.  - HS làm bài và trình bày kết quả.  - HS nhận xét, chữa bài |
| **3. HĐ vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành | |
| **\* Bài 4.**  - Gọi HS nêu YC  - Bài toán cho những dữ liệu gì?  - Bài toán yêu cầu làm gì?  - Cho HS thảo luận nhóm đôi để giải quyết bài toán  - YCHS làm bài vào vở  - GV mời HS chia sẻ kết quả.  - GV mời HS nhận xét.  - GV nhận xét  **Củng cố:**  - Theo em PS giúp chúng ta biểu diễn phép tính chia nào?  - NX tiết học | - HS nêu yêu cầu.  - Bài toán cho biết từng tỉ số của gừng, của tỏi có trong hỗn hợp.  - Bài toán yêu cầu tìm PS chỉ số phần hỗn hợp của gừng và tỏi.  **Bài giải**  Số phần hỗn hợp là gừng và tỏi là :  + = (phần)  Đáp số: phần  - HS nêu : Phép chia có dư  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

.........................................................................................................................................

**-----------------------------------------------------**

**Tiết 3: Tiếng Việt**

**VIẾT: VIẾT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Biết viết bài văn bài văn kể chuyện sáng tạo theo dàn ý đã lập.

- Biết giới thiệu về những chi tiết tưởng tượng có trong câu chuyện đã đọc, đã nghe, hiểu và trình bày được tác dụng của những chi tiết tưởng tượng có trong câu chuyện.

- Biết đánh giá bạn cách vết hay có câu chuyện hấp dẫn.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng làm bài văn kể chuyện sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng yêu quý cảnh vật xung quanh

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh**

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHUE YẾU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | |
| **1. HĐ khởi động**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV cho học sinh quan sát 3 bức tranh và yêu cầu: Nhận xét nhanh về cách sáng tạo, cách sử dụng từ ngữ trong 3 đoạn văn tham khảo:  - GV mời các nhóm chia sẻ kết quả.  - GV nhận xét, đánh giá  - GV giới thiệu bài học mới và ghi tên bài học mới. | - HS làm theo hướng dẫn của GV.  + Đoạn 1: sáng tạo thêm chi tiết tả bầu trời, sáng tạo thêm lời thoại. Các từ ngữ được dùng rất sinh động, giàu hình ảnh.  + Đoạn 2: thêm chi tiết cho kết thúc của câu chuyện (thay đổi cách kết thúc của câu chuyện).  + Đoạn 3: đóng vai nhân vật cá vàng để kể lại câu chuyện. Các từ ngữ được dùng rất sinh động để tự bộc lộ cảm xúc và tự kể lại các hoạt động của nhân vật cá vàng (tung tăng, bỗng nhiên, bị cuốn phăng, hốt hoảng, bị nhấc bổng lên,...), từ ngữ phỏng đoán cũng được sử dụng khi nói về cảm xúc của nhân vật ông lão (vẻ thất vọng, có lẽ vì).  - Hs lắng nghe | | |
| **2. HĐ khám phá.**  - Mục tiêu:  + Biết giới thiệu về những chi tiết tưởng tượng có trong câu chuyện đã đọc, đã nghe, hiểu và trình bày được tác dụng của những chi tiết tưởng tượng có trong câu chuyện.  + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | | |
| **Bài 1: Dựa vào dàn ý đã lập trong hoạt động viết ở bài 3, viết bài văn theo yêu cầu của đề bài.**  - GV mời 1 HS đọc 2 đề văn. GV giải thích cách thực hiện nhiệm vụ.  - GV mời học sinh đọc lại yêu cầu đã viết  - HS đọc lưu ý SGK và xem lại dàn ý đã lập: - Khi thêm lời kể, tả, thêm lời thoại hoặc thay đổi cách kết thúc của câu chuyện, cần lựa chọn chi tiết sáng tạo hấp dẫn, thú vị và phù hợp với nội dung câu chuyện.  - Khi đóng vai kể chuyện, cần chọn cách xưng hô phù hợp và kể, tả sự việc theo đúng cảm xúc của nhân vật mà em đóng vai.  - HS đọc các đoạn văn trong SGK để tham khảo cách viết.  - Mời cả lớp nhận xét nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết | | - 1 HS đọc 2 đề bài; Cả lớp lắng nghe bạn đọc.  - HS đọc yêu cầu và gợi ý trước lớp  - HS làm việc cá nhân tự đọc SGK và nêu cách viết  - Cả lớp nhận xét nhận xét.  - HS lắng nghe. | |
| **Bài 2: Hỗ trợ HS trong quá trình viết**  - Đọc soát và chỉnh sửa.  - Giới thiệu được câu chuyện một cách hấp dẫn, thu hút sự chú ý của người đọc.  - Kể chuyện với chi tiết sáng tạo độc đáo nhưng không làm thay đổi nội dung chính, ý nghĩa của câu chuyện gốc.  - HS viết bài văn vào vở. GV quan sát, giúp đỡ.  - GV nhận xét nhanh một số bài của HS – Tuyên dương và hỗ trợ HS còn gặp khó khăn trong khi viết bài | | -HS đọc soát và chỉnh sửa theo gợi ý.  -Viết vào vở ( Dựa vào dàn ý)  -Nghe Gv nhận xét | |
| **3. Luyện tập.**  - Mục tiêu:  + Biết đánh giá và tôn trọng những bạn có câu chuyện hạy, có cách giới thiệu hấp dẫn.  + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | | |
| **Bài 3. Góp ý và chỉnh sửa**  - GV mời 2 -3 HS đọc bài viết  - HĐ nhóm trao đổi, góp ý bài viết của bạn  - GV mời cả lớp nghe và góp ý, chỉnh sửa  - GV cho HS đọc bài viết của 1 bạn sau khi sửa hoàn chỉnh.  - GV nhận xét, tuyên dương. | | | - HS đọc.  - Nhóm đôi chỉnh sửa bài viết cho bạn vè bó cục, nội dung, trình tự xảy ra sự việc...  - 4-5 HS đọc bài viết; Cả lớp lắng nghe.  - HS nhận xét, bổ sung. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV nêu yêu cầu để học sinh tham gia vận dụng:  Em tiến hành chia sẻ với người thân bài viết của em và trao đổi về cách viết bài văn sáng tạo cho câu chuyện.  - GV đánh giá nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn:  - Em tiến hành chia sẻ với người thân bài viết của em và trao đổi về cách viết bài văn sáng tạo cho câu chuyện.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

**-------------------------------------------------------------**

**Tiết 4: Đạo đức**

**Bài 1: EM BIẾT ƠN NHỮNG NGƯỜI CÓ CÔNG**

**VỚI QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- HS nêu được ý kiến của bản thân cũng như nhắc nhở bạn bè có thái độ, hành vi thể hiện sự biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

-Học sinh đưa ra được cách ứng xử phù hợp nhằm rèn luyện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

**2. Năng lực**

***-*** Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập (qua hoạt động thảo luận nhóm).

- *Nhận thức chuẩn mực hành vi:* Nêu được lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

- *Đánh giá hành vi của bản thân và người khác:*Đồng tình với lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước; Không đồng tình với lời nói, việc làm không thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Thể hiện được lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. Nhắc nhở bạn bè có thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

**3. Phẩm chất**

*- Yêu nước:* Kính trọng, biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

*- Nhân ái:* Thể hiện được sự yêu quý bạn bè trong quá trong quá trình thảo luận nhóm.

*- Trách nhiệm:* Thực hiện những nhiệm vụ cá nhân và nhóm trong bài học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.   Giáo viên**

- SGK, SGV, SBT Đạo đức 5 (bộ sách Cánh Diều).

- Máy chiếu đa năng, máy tính,... (nếu có).

**2. Học sinh**

- Sách HS Đạo đức 5.

- Tranh ảnh, tư liệu, sưu tầm liên quan đến bài học.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | | **Hoạt động của học sinh** | | |
| **1. Hoạt động khởi động**  **a. Mục tiêu:**Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối với bài học mới.  **b. Cách tiến hành**  - Cho HS chơi trò chơi **Lật mảnh ghép** để kiểm tra bài cũ :  MG1. Người đã khai thiên, lập địa, dựng nước là ai?  MG2. Người đã lãnh đạo nhân dân đánh đuổi quân giặc, giành lại giang sơn, bảo vệ đất nước.  MG3.Tên người anh hùng dũng cảm chiến đấu, biểu tượng của truyền thống yêu nước, anh hùng, tuổi trẻ Việt Nam.  MG4. Đội tuyển nào đã giành quyền tham dự World Cup 2023, vô địch bóng đá Đông Nam Á.  MG5. Nhạc sĩ nào đóng đã góp với văn học nghệ thuật nước nhà bằng những tác phẩm mang đậm lòng yêu nước, đặc biệt là ca khúc Tiến quân ca – Quốc ca Việt Nam.  MG6. Ai là tác giả của “phương pháp mổ gan khô”  *-* Cho HS quan sát và miêu tả bức tranh dưới mảnh ghép  - Nhận xét- đánh giá khích lệ HS | | | - Học sinh chơi trò chơi khởi động.  - Vua Hùng  - Hai Bà Trưng  - Nguyễn Viết Xuân  - Đội tuyển bóng đá nữ quốc gia Việt Nam 2023:  - Văn Cao  - Giáo sư – Bác sĩ Tôn Thất Tùng  - Chủ tịch Hồ Chí Minh: Người đã lãnh đạo nhân dân giành độc lập, sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. | | |
| *Giới thiệu bài: Biết ơn người có công với quê hương, đất nước là trách nhiệm của mỗi công dân. Chúng ta có thể thể hiện lòng biết ơn này bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi và nhắc nhở mọi người. Tiết học* ***“Em biết ơn người có công với quê hương, đất nước”- Tiết 2*** *ngày hôm nay sẽ giúp các em thể hiện lòng biết ơn những đóng góp của họ trong cuộc sống* | | | | | |
| **2. Hoạt động luyện tập**  **Hoạt động 1: Nhận xét các ý kiến:**  **a. Mục tiêu**: HS nêu được ý kiến của bản thân cũng như nhắc nhở bạn bè có thái độ, hành vi thể hiện sự biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.  **b. Cách tiến hành:** | | | | | |
| - GV chia lớp thành các nhóm học tập  - Yêu cầu các nhóm đọc và thực hiện yêu cầu: HS bày tỏ quan điểm của bản thân đối với những ý kiến sau: | | | | - HS chia nhóm 6, cử nhóm trưởng, giao nhiệm vụ cho từng thành viên.  - HS đọc cá nhân | |
| a. *Biết ơn các cô, chú, bác thương binh, liệt sĩ là thể hiện đạo lí “uống nước nhớ nguồn”.*  *b. Chúng ta phải biết ơn những người có công với quê hương, đất nước vì họ giúp cho đất nước ta ngày càng giàu mạnh, tươi đẹp.*  *c. Vì còn nhỏ tuổi nên học sinh không thể làm gì để giúp các cô, chú, bác thương binh và gia đình liệt sĩ.*  *d. Nhắc nhở để bạn bè có thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương, đất nước cũng là việc làm thể hiện lòng biết ơn.*  *e. Phấn đấu học tập và rèn luyện để trở thành người có ích cho xã hội là việc làm thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.*  *g. Chỉ có những anh hùng, liệt sĩ đã hi sinh trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm mới là người có công với quê hương, đất nước.* | | | | | |
| - Yêu cầu các nhóm thảo luận  - GV nghe, chốt đáp án | | - Các nhóm thảo luận và đưa ra các phương án chung.  - Các nhóm báo cáo kết quả  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung | | | |
| *Ý kiến a. Đúng, vì dân tộc ta có truyền thống "Uống nước nhớ nguồn". Các cô, chú, bác thương binh và liệt sĩ đã hy sinh cả tuổi trẻ, thanh xuân để chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, để chúng ta có được cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc như ngày hôm nay. Vì thế, chúng ta luôn phải tự hào và biết ơn .*  *Ý kiến b: Đúng, vì từ thời dựng nước và giữ nước, những người có công với quê hương, đất nước đã hy sinh xương máu, đóng góp công sức, thành quả lao động…. nên dân tộc ta mới phát triển, có nhiều thành tựu.*  *Ý kiến c: Sai, vì “Tuổi nhỏ làm việc nhỏ, tùy theo sức của mình”. Học sinh còn nhỏ tuổi cũng có thể làm nhiều việc thể hiện lòng biết ơn cũng như giúp đỡ các cô, chú, bác thương binh và gia đình liệt sĩ: giúp đỡ, thăm hỏi sức khỏe, nhường chỗ ngồi khi đi tên xe buýt cho các cô, chú, bác thương binh.*  *Ý kiến d: Đúng, vì việc thể hiện lòng biết ơn đối với những người có công với quê hương, đất nước không chỉ thể hiện trong việc làm của mình mà còn thể hiện rõ nét trong việc nhắc nhở bạn bè, mọi người xung quanh thực hiện lòng biết ơn vì đó là truyền thống tốt đẹp của dân tộc*  *Ý kiến e: Đúng, vì luôn cần phấn đấu, học tập để trở thành người có ích cho xã hội. Ra sức học tập và rèn luyện để mai này cống hiến sức lực của mình cho sự nghiệp phát triển đất nước cũng là một cách thể hiện tinh thần trách nhiệm của bản thân để không phụ công sức của những người đi trước đã cống hiến cho quê hương, đất nước.*  *Ý kiến g: Sai, vì trong thời bình, vẫn luôn có những người cống hiến, đóng góp công sức vì sự nghiệp xây dựng đất nước ở tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội: kinh tế, văn hóa, chính trị, quân sự, y học, thể thao…..* | | | | | |
| **Hoạt động 2: Bày tỏ ý kiến**  **a. Mục tiêu:** HS thể hiện được thái độ đồng tình hay không đồng tình với các việc làm trong SGK  **b. Cách tiến hành:**  - GV trình chiếu cho HS quan sát các việc làm trong SGK trang 9  - GV chia lớp thành các nhóm học tập:  - GV yêu cầu các nhóm đọc và trả lời câu hỏi**:** Em đồng tình hay không đồng tình với những việc làm nào? Vì sao?  - GV mời đại diện các nhóm phát biểu ý kiến theo hình thức trò chơi: **Phỏng vấn.( Các nhóm lần lượt phỏng vấn lẫn nhau)**  - GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp | | | | | - HS quan sát cá nhân  - Chia lớp thành nhóm 4 cử nhóm trưởng, giao nhiệm vụ cho từng thành viên.  - HS thảo luận nhóm 4  - Các nhóm báo cáo kết quả  - Nhóm khác NX, bổ sung |
| *GV chốt ý kiến:*  *Ý kiến a: Vì bà Năm là mẹ liệt sĩ, chăm sóc và dọn dẹp nhà cửa giúp bà Năm thể hiện sự biết ơn đối với gia đình có thân nhân có công với quê hương, đất nước.*  *Ý kiến b: Vì Trung thể hiện sự tự hào đối với thành tích của những vận động viên đi trước, từ đó có ý thức noi gương, phấn đấu rèn luyện, học tập để tiếp tục đóng góp sức mình cho thành tích của quê hương, đất nước. Có thành tích cao trên đấu trường quốc tế, góp phần làm rạng danh cho đất nước.*  *Ý kiến c: Vì nghề nặn tò he là một nét văn hóa đặc sắc của quê hương. Tuyết luôn tự hào về truyền thống văn hóa của dân tộc, muốn gìn giữ và lan tỏa nét đẹp văn hóa đó tới bạn bè quốc tế.*  *Ý kiến d: Vì Khôi luôn tự hào về đất nước Việt Nam, nơi có những con người tài hoa xuất chúng làm rạng danh đất nước Việt Nam khắp năm châu bốn bể.* | | | | | |
| **3. Hoạt động vận dụng**  **a) Mục tiêu:**  Học sinh đưa ra được cách ứng xử phù hợp nhằm rèn luyện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước. | | | | | |
| **b)Cách thực hiện**  Kể tên một số người có công với quê hương đất nước ở địa phương em mà em biết?  - Công lao đó được thể hiện như thế nào?  - Em cần làm gì để thể hiện lòng biết ơn đối với những người có công với quê hương, đất nước? | HS liên hệ kể cá nhân  - Hy sinh bảo vệ Tổ quốc. Thương binh, bệnh binh, ….  - Chúng ta phải biết ơn những người có công với quê hương, đất nước vì họ đã anh dũng hy sinh, đóng góp công lao vô cùng to lớn để tạo ra đất nước độc lập, cuộc sống hạnh phúc, tự do, ấm no, bình yên và phát triển như ngày hôm nay. Với những người còn sống phải biết kính trọng, giúp đỡ, động viên, an ủi bằng những việc làm phù hợp với bản thân.  - HS lắng nghe | | | | |
| - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước tiết 3 của bài. | - HS lắng nghe | | | | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

.........................................................................................................................................

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**--------------------------------------------------------------**

**Buổi chiều**

**Tiết 1: Công nghệ**

**BÀI 1: CÔNG NGHỆ TRONG ĐỜI SỐNG (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

+ Năng lực tự chủ và tự học: Hình thành phương pháp tự đọc hiểu tài liệu; vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập, biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn.

**2. Năng lực**

+ Năng lực nhận thức công nghệ: Trình bày được vai trò của sản phẩm công nghệ trong đời sống.

+ Năng lực sử dụng công nghệ: Nhận biết được những mặt trái khi sử dụng công nghệ.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: Thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập, có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường vào đời sống hằng ngày.

- Trách nhiệm: Nhắc nhở mọi người chấp hành các quy định, sử dụng an toàn và hợp lí công nghệ để tránh các mặt trái.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- SGK, SBT

**2. Học sinh**

- SGK, SBT, vở viết, đồ dùng học tập

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động**  a. Mục tiêu: Tạo hứng thú và nhu cầu tìm hiểu vai trò của sản phẩm công nghệ dùng hằng ngày.  b. Tổ chức hoạt động: | |
| - Yêu cầu: Kể tên một số sản phẩm công nghệ mà em thường sử dụng hằng ngày và nêu vai trò của chúng?  - GV dẫn dắt vào bài học | - Trả lời  - Nghe |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức: Mặt trái khi sử dụng công nghệ**  **Nhận biết những mặt trái khi sử dụng công nghệ**  a. Mục tiêu: Nhận biết được những mặt trái khi sử dụng công nghệ.  b. Tổ chức thực hiện: | |
| - GV yêu cầu quan sát hình trong SGK trang 7, yêu cầu HS thảo luận và nêu những mặt trái khi sử dụng công nghệ có trong từng hình.  - Yêu cầu thực hiện nhóm đôi xác định những mặt trái khi sử dụng công nghệ được thể hiện trong từng hình.  - Gọi từng nhóm lên trả lời  - Nhóm khác nhận xét  - GV nghe nhận xét, chốt đáp án:  + Hình 1: Gây ôi nhiễm mối trường (tiếng ồn, khói bụi do phương tiện giao thông)  + Hình 2: Ảnh hưởng đến sức khỏe (cận thị, beo phì do xem ti vi quá gần và quá nhiều, rối loạn giấc ngủ do xem tivi quá khuya)  + Hình 3: Đe dọa tinh thần (bắt nạt qua mạng xã hội)  + Hình 4: Giảm giao tiếp trực tiếp (Sử dụng điện thoại quá nhiều)  + Hình 5: Mất an toàn thông tin (lộ thông tin các nhân trên không gian mạng)  + hình 6: Lệ thuộc vào công nghệ (tính nhẩm kém, phép tính đơn giản vẫn phụ thuộc vào máy tính)  - GV gọi 1-2 HS lên bảng chỉ và nêu những mặt trái khi sử dụng công nghệ trong mỗi hình.  - GV yêu cầu HS khác nhận xét và bổ sung.  - GV dẫn dắt: Sử dụng công nghệ có thể gây ra những mặt trái nên chúng ta cần biết cách sử dụng công nghệ an toàn hợp lí.  - GV chốt kiến thức: Những mặt trái khi sử dụng công nghệ: gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng tới sức khỏe,đe dọa tinh thần, giảm giao tiếp trực tiếp, mất an toàn thông tin, lệ thuộc vào công nghệ,… | - Thực hiện yêu cầu.  - Hoạt động nhóm đôi trả lời câu hỏi.  - Trả lời  - Nhận xét  - Nghe, ghi bài.  - Lên bảng trả lời.  - HS nhận xét  - Nghe, ghi bài. |
| **3. Hoạt động luyện tập**  a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức về những mặt trái khi sử dụng công nghệ.  b. Tổ chức thực hiện: | |
| - GV tổ chức trò chơi “Ai kể đúng?” (trang 8 SGK): Cùng bạn nêu những mặt trái khi sử dụng công nghệ.  - Yêu cầu thảo luận theo nhóm đôi  - Sau đó 1 thành viên đại diện thi kể, đội nào kể được nhiều mặt trái hơn sẽ chiến thắng.  - GV nhận xét chốt đáp án:  + Xem tivi nhiều gây cận thị  + Xem tivi quá khuya gây rối loạn giấc ngủ(ảnh hưởng đến sức khỏe)  + Sử dụng điện thoại quá nhiều làm giảm giao tiếp trực tiếp với mọi người.  + Sử dụng mạng xã hội có thể làm lộ thông tin cá nhân  + Phương tiện giao thông gây ô nhiếm tiếng ồn, ô nhiễm không khí,…  - GV chốt kiến thức về mặt trái khi sử dụng công nghệ. | - Nghe yêu cầu.  - Thảo luận nhóm đôi.  - Thi kể.  - Hs nghe. |
| **4. Hoạt động vận dụng**  a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để nhận biết những mặt trái khi sử dụng công nghệ.  b. Tổ chức thực hiện: | |
| - GV yêu cầu HS vận dụng các kiến thức đã học trao đổi với ngưới thân về những mặt trái khi sử dụng công nghệ.  - HS làm việc cá nhân hoặc nhóm học tập:  + Tìm hiểu sản phẩm công nghệ thường sử dụng hằng ngày trong gia đinhg. Nêu vai trò của sản phẩm công nghệ đó.  + Tìm hiểu những mặt trái khi sử dụng công nghệ. Nhờ người thân hướng dẫn cách sử dụng công nghệ đó an toàn và hợp lí. | - Nghe.  - Thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

….………………………………………………………………………………………

*------------------------------------------------------------*

***Thời gian thực hiện: Thứ sáu, ngày 20/9/2024***

**Buổi sáng**

**Tiết 1: Toán**

**ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG VỀ CÁC PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Củng cố kĩ năng thực hiện được phép cộng, phép trừ các phân số trong trường hợp có một mẫu số chia hết cho các mẫu số còn lại và nhân, chia phân số.

- Thực hiện được phép cộng, phép trừ hai phân số bằng cách lấy mẫu số chung là tích của hai mẫu số.

- Giải quyết được vấn đề gắn với việc giải các bài toán (có một hoặc một vài bước tính) liên quan đến các phép tính về phân số.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu các kĩ năng làm toán để hoàn thành nhiệm vụ bài học mà thầy, cô giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được nội dung bài học để giải quyết một số tình huống thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất nhan ái: Luôn yêu mến bạn bè, biết giúp đỡ nhau trong học toán để cùng hoàn thành tốt nội dung bài học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh**

- Vở, bút, vở nháp và các đồ dùng học tập.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. Kiểm tra kiến thức đã học ở bài trước.  + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.  - Cách tiến hành | |
| Khởi động qua trò chơi “Ai nhanh, ai đúng ”.  **Cách chơi:** GV đưa ra 5 phép tính nhân, chia PS khác mẫu và gọi 5 HS làm bạn nào làm nhanh sẽ là người chiến thắng trò chơi.  VD: , …  - Nhận xét, tuyên dương.  - Qua trò chơi, các em được ôn tập nội dung gì ?  - GVNX.  .- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe. |
| **2. HĐ luyện tập**  **Mục tiêu: -** Thực hiện được các phép tính nhân, chia các PS với nhau; nhân, chia PS với một số tự nhiên khác 0.  **Cách tiến hành** | |
| **\*Bài 5**. ( Cá nhân )  - Gọi HS nêu YC  - Bài toán yêu cầu làm gì?  - Để nhân 2 PS em cần làm gì?  - Để chia 2 PS ta thực hiện như thế nào?  - YCHS làm bài vào vở  - GV mời HS lên bảng trình bày cách làm.  - GV mời HS nhận xét.  - GV nhận xét  - GV hỏi: Muốn nhân chia PS với số tự nhiên ta ghi nhớ điều gì?  **\* Bài 6.** **(Cá nhân)**  - Gọi HS nêu YC  - Bài toán yêu cầu làm gì?  - GV yêu cầu HS làm bài  - GV mời HS lên bảng thực hiện.  - GV hỏi: Em có nhận xét gì khi thực hiện nhân chia 2 PS?  **\* Bài 7. (Cặp đôi )**  - Gọi HS nêu YC  - Bài toán cho những dữ liệu gì?  - Bài toán yêu cầu làm gì?  - YCHS làm bài vào vở  - GV mời HS chia sẻ kết quả.  - GV mời HS nhận xét.  - GV nhận xét | - HS nêu yêu cầu.  - Bài toán yêu cầu cộng trừ 2 PS.  - HS nêu :  + Nhân 2 PS ta lấy tử nhân tử, mẫu nhân với mẫu  + Chia 2 PS ta giữ nguyên PS thứ nhất nhân với nghịch đảo PS thứ 2.  - HS làm bài, chia sẻ kết quả :  = : =  4 x = : 2=  - HS chia sẻ.  - HS nêu yêu cầu.  - Bài toán yêu cầu nhân chia 2 PS.  - HS làm bài, chia sẻ kết quả :  = : =  - HS chia sẻ: có thể rút gọn PS rồi mới nhân, chia  - HS nêu yêu cầu.  - Bài toán cho PS của một đơn vị.  - Bài toán yêu cầu tìm giá trị của PS đó.  - HS làm bài, chia sẻ kết quả.  a, x 70 m²= 56 m²  b, x 250 kg= 75 kg  c, x 52 tuần= 13 tuần  - HS nhận xét, chữa bài. |
| **3. HĐ vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành | |
| **\* Bài 8. ( Nhóm 4 )**  - Gọi HS đọc bài toán  - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán yêu cầu làm gì?  - YCHS làm bài vào vở  - GV mời HS chia sẻ kết quả.  - GV mời HS nhận xét.  - GV nhận xét | - HS đọc yêu cầu  - Bài toán cho biết thời gian kiểm tra 1 sản phẩm.  - Bài toán yêu cầu tính số sản phẩm được kiểm tra trong 1 phút ?  - HS làm bài, chia sẻ  **Bài giải**  Đổi 1 phút= 60 giây  1 giây máy kiểm tra được số chai nước là :  1 : = 25 (chai)  Số sản phẩm được kiểm tra trong 1 phút là :  25 x60= 1500 (chai)  Đáp số : 1500 chai  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**----------------------------------------------------------**

**Tiết 2: Tiếng Việt**

**NÓI VÀ NGHE: NHỮNG CÂU CHUYỆN THÚ VỊ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức***

- Biết trao đổi ý kiến về những chi tiết thú vị có trong câu chuyện mà mình yêu thích.

- Biết đánh giá và tôn trọng những bạn kể được câu chuyện thú vị với những chi tiết thú vị, những bạn có cách trình bày hấp dẫn.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

***2. Năng lực***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng trình bày trước lớp

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất***

- Phẩm chất nhân ái: Góp phần hình thành phẩm chất yêu nước và trách nhiệm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh**

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | |
| **1. HĐ khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV chiếu một đoạn văn cho HS đọc và nêu hiểu biết của mình về cách viết đoạn văn đã đọc  - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới. | - HS đọc và nêu theo cách hiểu của mình.  - HS lắng nghe. | | |
| **2. HĐ khám phá.**  - Mục tiêu:  + Biết trao đổi ý kiến về những chi tiết thú vị có trong câu chuyện mà mình yêu thích.  + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | | |
| **Bài 1: Chuẩn bị.**  - GV mời học sinh đọc yêu cầu  - GV HD:  + Nhớ lại câu chuyện đã được đọc, được nghe mà em thích.  + Làm việc cá nhân:  - HS Ghi chép ý kiến mình định phát biểu.  - GV theo dõi nhận xét chung, | | - 1 HS đọc yêu cầu  - HS làm việc cá nhân:  + Nhớ lại câu chuyện em yêu thích: tên câu chuyện, tên tác giả, nội dung câu chuyện.  + Liệt kê các chi tiết thú vị trong câu chuyện....  - Thực hiện ghi chép  - HS lắng nghe. | |
| **Bài 2: Thảo luận**  - Gọi 2 Hs đọc lại yêu cầu của bài học  - HD HS thảo luận nhóm  + Người điều hành nêu các nội dung cần thảo luận  + Từng thành viên nêu ý kiến đã chuẩn bị  + Nhóm nhận xét, cử bạn trình bày trước lớp  -Tiến hành trình bày trước lớp  - GV cho HS điều hành, rút kinh nghiệm. | | - 2 HS đọc  -Nhóm thảo luận các nội dung  + Giới thiệu tên nội dung chính của câu chuyện.  + Chia sẻ những chi tiết thú vị có trong câu chuyện  + Nêu suy nghĩm cảm xúc của mình về những chi tiết thú vị trong câu chuyện.  -Đại diện trình bày – Lớp nhận xét  -Bạn điều hành tổng hợp các ý kiến và rút kinh nghiệm về buổi thảo luận. | |
| **3. Luyện tập.**  - Mục tiêu:  + Viết bài văn mình đã chọn  + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | | |
| **Bài 3. Đánh giá**  - GV cho HS bình chọn  - GV đánh giá kết quả học tập của Hs  - GV giới thiệu thêm một số câu chuyện thú vị khác để Hs biết mà tìm đọc. | | | - HS tham gia bình chọn  - Nghe GV đánh giá  - Theo dõi giáo viên giới thiệu để tìm đọc. |
| **4. HĐ vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Cách tiến hành: | | | |
| - Giáo viên nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng:  -Em tiến hành chia sẻ với người thân của em và trao đổi về câu chuyện em nghe thú vị nhất.  - GV đánh giá nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn:  - Em chia sẻ với người thân của em và trao đổi về về câu chuyện em nghe thú vị nhất và lắng nghe ý kiến của người thân.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiết 3: Lịch sử & Địa lí**

**Bài 2: THIÊN NHIÊN VIỆT NAM (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực lịch sử và địa lí**

- Trình bày được một số đặc điểm của địa hình và khoáng sản ở Việt Nam.

- Kể được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số khoáng sản chính.

- Trình bày được một số đặc điểm của khí hậu ở Việt Nam.

**2. Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ở địa phương.

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.

- Chăm chỉ: Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập và luôn tự giác tìm hiểu, khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam hoặc lược đồ hình 1 trang 11 SGK.

- Một số hình ảnh minh họa về vai trò của tài nguyên thiên nhiên và khó khăn của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống (nếu có).

- Máy tính, máy chiếu.

**2. Học sinh**

- SGK, Vở bài tập.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động** | |
| - Bước 1: GV nêu câu hỏi ở phần khởi động trang 10 SGK:  + Khi nói về thiên nhiên, em nghĩ đến những thành phần nào?  + Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về thiên nhiên Việt Nam.  - Bước 2: HS trả lời các câu hỏi.  - Bước 3: Nhận xét, dẫn dắt vào bài mới. | - HS trả lời câu hỏi và chia sẻ với các bạn.  - Đất, nước, cây cối,…  - Đẹp, phong phú, đa dạng,… |
| **2. Hoạt động khám phá**  \*Mục tiêu:  - Trình bày được một số đặc điểm của địa hình và khoáng sản ở Việt Nam.  - Kể được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số khoáng sản chính.  - Trình bày được một số đặc điểm của khí hậu ở Việt Nam.  \*Cách tiến hành: | |
| **1. Đặc điểm thiên nhiên**  ***a) Tìm hiểu về địa hình và khoáng sản ở VN*** |  |
| - Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4 để thực hiện nhiệm vụ sau:  Đọc thông tin và quan sát hình 1 trang 11 SGK, em hãy:  + Trình bày một số đặc điểm của địa hình, và khoảng sản ở Việt Nam. | - Phần lớn diện tích là đồi núi thấp và đồng bằng. Có nhiều loại khoáng sản phần lớn có trữ lượng vừa và nhỏ. Một số khoáng sản có trữ lượng lớn như: than, dầu mỏ, khí tự nhiên, sắt, đồng, bo-xit, a-pa-tit,... |
| + Xác định trên lược đồ các dãy núi có hướng tây bắc - đông nam, các dãy núi có hướng vòng cung và các đồng bằng lớn ở Việt Nam.  + Kể tên và chỉ trên lược đồ một số khoáng sản chính ở Việt Nam. | - Học sinh thực hành xác định trên lược đồ. |
| - Bước 2: Đại diện một nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp. Một số nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời và cách chỉ lược đồ/ bản đồ. | - Các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. |
| - Bước 3: GV nhận xét và tổng kết:  + Trên phần đất liền Việt Nam, 3/4 diện tích là đồi núi nhưng chủ yếu là đồi núi thấp, 1/4 diện tích là đồng bằng và chủ yếu là đồng bằng do phù sa sông bồi đắp.  + Việt Nam có nhiều loại khoáng sản nhưng phần lớn có trữ lượng vừa và nhỏ. Một số khoáng sản có trữ lượng lớn như: than, dầu mỏ, khí tự nhiên, sắt, đồng, bo-xit, a-pa-tit,... | - Vài HS nhắc lại nội dung. |
| ***b) Tìm hiểu về khí hậu ở Việt Nam***  - Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp để thực hiện nhiệm vụ sau:  + Đọc thông tin, em hãy trình bày một số đặc điểm khí hậu ở Việt Nam.  + Hãy chia sẻ thông tin về đặc điểm khí hậu tại một vùng núi cao ở Việt Nam (ví dụ: Sa Pa, Tam Đảo, Đà Lạt,...) mà em đã tìm hiểu. | - Việt Nam có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa nóng gần như quanh năm (trừ những vùng núi cao), mưa nhiều, gió và mưa thay đổi theo mùa.  - HS chia sẻ theo hiểu biết của cá nhân. |
| - Bước 2: Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp kết hợp chia sẻ thông tin về đặc điểm khí hậu tại một vùng núi cao ở Việt Nam (ví dụ: Sa Pa, Tam Đảo, Đà Lạt,...) (nếu có). Một số nhóm khác nhận xét, bồ sung câu trả lời. | - Các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác NX, bổ sung. |
| - Bước 3: GV nhận xét và tổng kết:  + Việt Nam có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, với tính chất nóng gần như quanh năm (trừ những vùng núi cao), mưa nhiều, gió và mưa thay đổi theo mùa.  + Khí hậu nước ta có sự khác nhau giữa phần lãnh thổ phía bắc và phần lãnh thổ phía nam dãy Bạch Mã. | - Vài HS nhắc lại nội dung. |
| **\* Vận dụng** |  |
| - Các khoáng sản tồn tại ở đâu? | - Nằm sâu trong lòng đất. |
| - Các khoáng sản đó con người có thể khai thác và sử dụng được hay không? | - Con người có thể khai thác và sử dụng được. |
| - Theo em, khoáng sản chúng hình thành và tồn tại trong tự nhiên hay do con người tạo ra? | - Chúng được hình thành và tồn tại trong tự nhiên. |
| - Vì vậy chúng ta cần phải khai thác và sử dụng như thế nào? | - Chúng ta cần phải khai thác và sử dụng hợp lí, có kế hoạch. |
| - Nhận xét, tuyên dương.  - Nhận xét tiết học. | - Nhận xét. |
| - Các em về nhà xem lại bài và chuẩn bị cho phần tiếp theo của bài. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

………………………………………………………………………………………….